

DICTIONARY | TỪ ĐIỂN

FORMULA ONE VINFAST VIETNAM GRAND PRIX



VIETNAMESE MOTORSPORTS
ASSOCIATION

MEMBER OF





MEMBER OF



DICTIONARY | TỪ ĐIỂN

FORMULA ONE VINFAST VIETNAM GRAND PRIX

This dictionary is only published and circulated internally for officials and personnel serving in F1 Vietnam Grand Prix

Ấn phẩm lưu hành nội bộ dành cho các cán bộ điều hành và nhân sự phục vụ trong Chặng đua F1 Việt Nam Grand Prix

THE GRAND PRIX
CHẶNG ĐUA

F1 2020 CALENDAR*

1		15 MAR	AUSTRALIA	12		19 JUL	GREAT BRITAIN
2		22 MAR	BAHRAIN	13		2 AUG	HUNGARY
3		5 APR	VIETNAM	14		30 AUG	BELGIUM
4		19 APR	CHINA	15		6 SEP	ITALY**
5		3 MAY	NETHERLANDS	16		20 SEP	SINGAPORE
6		10 MAY	SPAIN	17		27 SEP	RUSSIA
7		24 MAY	MONACO	18		11 OCT	JAPAN
8		7 JUN	AZERBAIJAN	19		25 OCT	UNITED STATES
9		14 JUN	CANADA	20		1 NOV	MEXICO CITY
10		28 JUN	FRANCE	21		15 NOV	BRAZIL
11		5 JUL	AUSTRIA	22		29 NOV	ABU DHABI

* SUBJECT TO FIA APPROVAL ** SUBJECT TO CONTRACT SIGNATURE

Lịch đua chính thức Giải Vô địch Thế giới Đua xe F1 năm 2020 (FIA FORMULA ONE WORLD CHAMPIONSHIP 2020) có 22 chặng đua tại 22 quốc gia.

A GRAND PRIX

An event officially defined a motor race which forms part of a series to determine a World Championship.

MỘT CHẶNG ĐUA

Sự kiện đua xe thể thao nằm trong một chuỗi các chặng đua thuộc Giải Vô địch Thế giới Đua xe F1 nhằm xác định nhà Vô địch.



Hình ảnh đội đua Mercedes ăn mừng chiến thắng với Giải Đội đua Vô địch mùa giải 2019.

CONSTRUCTOR CHAMPIONSHIP

F1 World Champion Constructor is given to the car make that scores the most points during the season.

GIẢI ĐỘI ĐUA VÔ ĐỊCH

Danh hiệu Vô địch Thế giới dành cho đội có nhiều điểm nhất trong suốt mùa giải. Điểm của đội đua là tổng điểm của cả hai tay đua trong đội.



Michael Schumacher - Tay đua F1 huyền thoại có số lần vô địch nhiều nhất trong lịch sử F1 với tổng cộng 7 chức Vô địch Thế giới cùng 91 chiến thắng chặng.

DRIVER CHAMPIONSHIP

F1 World Drivers' Championship is awarded to the most successful F1 racing car driver over a season, as determined by a point system based on individual Grand Prix results.

GIẢI TAY ĐUA VÔ ĐỊCH

Danh hiệu Vô địch Thế giới dành cho tay đua giành được nhiều điểm nhất trong suốt mùa giải.



Hình ảnh chiếc xe FW43 của tay đua George Russell (đội Williams) chạy thử tại Barcelona, Tây Ban Nha vào tháng 2 năm 2020.

SHAKEDOWN

A brief test when a team is trying a different car part for the first time before going back out to drive at 100 per cent to set a fast time.

THỬ XE KỸ THUẬT

Lần chạy thử đầu tiên sau khi xe đua được thay thế một hoặc nhiều bộ phận mới trước khi vận hành 100% công suất của xe để xác định hiệu suất tối đa.

F1® TESTING DAY 1 - FINAL CLASSIFICATION			BARCELONA 🇪🇸 #F1Testing		
			Lap Time	Gap	Laps
1	Lewis Hamilton	Mercedes	1:16.976		94
2	Valtteri Bottas	Mercedes	1:17.313	+0.337	79
3	Sergio Perez	Racing Point	1:17.375	+0.399	58
4	Max Verstappen	Red Bull Racing	1:17.516	+0.540	168
5	Daniil Kvyat	AlphaTauri	1:17.698	+0.722	115
6	Carlos Sainz	McLaren	1:17.842	+0.866	161
7	Daniel Ricciardo	Renault	1:17.873	+0.897	54
8	Esteban Ocon	Renault	1:18.004	+1.028	62
9	George Russell	Williams	1:18.168	+1.192	73
10	Lance Stroll	Racing Point	1:18.282	+1.306	50
11	Charles Leclerc	Ferrari	1:18.289	+1.313	131
12	Nicholas Latifi	Williams	1:18.382	+1.406	63
13	Robert Kubica	Alfa Romeo	1:18.386	+1.410	59
14	Kevin Magnussen	Haas	1:18.466	+1.490	104
15	Antonio Giovinazzi	Alfa Romeo	1:20.096	+3.120	78

Hình ảnh bảng xếp hạng các tay đua sau ngày đầu tiên chạy thử trước mùa giải Vô địch Thế giới Đua xe F1 năm 2020 tại đường đua Catalunya, Barcelona, Tây Ban Nha.

PRE-SEASON TESTING

Pre-season testings are the set of FIA-approved tests that take place prior to the first race of the season at a specific circuit. There are typically two Pre-season tests in February and early March. These tests are no more than four days in duration.

CHẠY THỬ TRƯỚC MÙA GIẢI

Chạy thử trước mùa giải là các đợt chạy thử nghiệm trên đường đua của các đội đua dưới sự phê duyệt của FIA trước khi diễn ra chặng đua đầu tiên của Giải Vô địch Thế giới Đua xe F1. Các đợt chạy thử được tổ chức tại một trong những đường đua chính thức của mùa giải, thường diễn ra vào tháng 2 và đầu tháng 3. Mỗi đợt kéo dài không quá 4 ngày.

F1® SECOND PRACTICE CLASSIFICATION		BAKU	#AzerbaijanGP			
		Lap Time	Stint	Gap	Laps	
1	Charles Leclerc	Ferrari	1:42.872	(M) (S) (S) (S) (S) (M)		28
2	Sebastian Vettel	Ferrari	1:43.196	(M) (S) (S) (M) (M) (M)	+0.324	28
3	Lewis Hamilton	Mercedes	1:43.541	(M) (S) (S) (M)	+0.669	31
4	Max Verstappen	Red Bull Racing	1:43.793	(M) (M) (S) (S)	+0.921	24
5	Valtteri Bottas	Mercedes	1:44.003	(M) (S) (S) (S) (M)	+1.131	31
6	Daniil Kvyat	Toro Rosso	1:44.177	(M) (S)	+1.305	9
7	Carlos Sainz	McLaren	1:44.183	(M) (M) (S) (S) (M)	+1.311	27
8	Alexander Albon	Toro Rosso	1:44.216	(M) (S) (S) (M) (S)	+1.344	33
9	Pierre Gasly	Red Bull Racing	1:44.240	(M) (S) (M)	+1.368	24
10	Lando Norris	McLaren	1:44.295	(M) (M) (M) (S) (S) (M)	+1.423	32
11	Kevin Magnussen	Haas	1:44.901	(M) (S) (S) (M)	+2.029	25
12	Antonio Giovinazzi	Alfa Romeo	1:45.366	(M) (S) (M) (S)	+2.494	31
13	Sergio Perez	Racing Point	1:45.436	(M) (S) (M)	+2.564	28
14	Kimi Raikkonen	Alfa Romeo	1:45.482	(M) (S) (M)	+2.610	30
15	Daniel Ricciardo	Renault	1:45.483	(S) (S) (S)	+2.611	15
16	Romain Grosjean	Haas	1:45.618	(M) (S) (M) (M)	+2.746	31
17	Nico Hulkenberg	Renault	1:46.717	(M) (S) (S) (S) (M)	+3.845	24
18	Lance Stroll	Racing Point	1:47.875	(M)	+5.003	8
19	Robert Kubica	Williams	1:48.111	(M) (S) (S) (M)	+5.239	27
20	George Russell	Williams				0

Hình ảnh bảng kết quả trong Cuộc chạy thử FP2 tại Chặng đua F1 SOCAR Azerbaijan Grand Prix 2019.

FREE PRACTICE - FP

Three practice sessions are held on Friday (of the race week) before qualifying called FP1, FP2, FP3.

CUỘC CHẠY THỬ

03 cuộc chạy thử (FP1, FP2, FP3) dành cho các đội đua tại đường đua chính, diễn ra vào ngày thứ Sáu (trong tuần sự kiện), trước Cuộc đua phân hạng. Các cuộc chạy thử này nằm trong lịch trình chính thức của chặng đua.



Kết quả Cuộc đua phân hạng tại Chặng đua F1 Gulf Air Bahrain Grand Prix 2019.

QUALIFYING - Q

Qualifying is held on Saturday (of the race week) before the race. The fastest time set by each driver will determine their position on the grid for the start of the race.

Three-part knockout sessions:

- Q1: 18 minutes
- Q2: 15 minutes
- Q3: 12 minutes

CUỘC ĐUA PHÂN HẠNG

Cuộc đua phân hạng diễn ra vào ngày thứ Bảy (trong tuần sự kiện), trước Cuộc đua chính. Thời gian đua nhanh nhất của mỗi tay đua sẽ xác định vị trí xuất phát trong Cuộc đua chính. Một cuộc đua phân hạng gồm 3 lượt đua tốc độ & loại knockout:
 Q1: 18 phút, loại 5 tay đua chậm nhất
 Q2: 15 phút, loại tiếp 5 tay đua chậm nhất
 Q3: 12 phút



20 xe đua tại vạch xuất phát chuẩn bị bắt đầu Cuộc đua chính tại Chặng đua F1 Pirelli French Grand Prix 2019.

THE RACE

The main event of a Grand Prix weekend (Sunday). The distance completed tends to be around 305 km (except Monaco with 260,286 km long) and the winner is the driver who passes the chequered flag in the first place.

CUỘC ĐUA CHÍNH

Sự kiện chính của chặng đua Grand Prix diễn ra vào ngày Chủ Nhật của tuần sự kiện. Mỗi tay đua phải hoàn thành quãng đường đua khoảng 305km (ngoại trừ chặng đua Monaco với quãng đường đua 260,286 km) và tay đua giành chiến thắng là tay đua vượt qua cờ ca-rô ở vị trí đầu tiên.



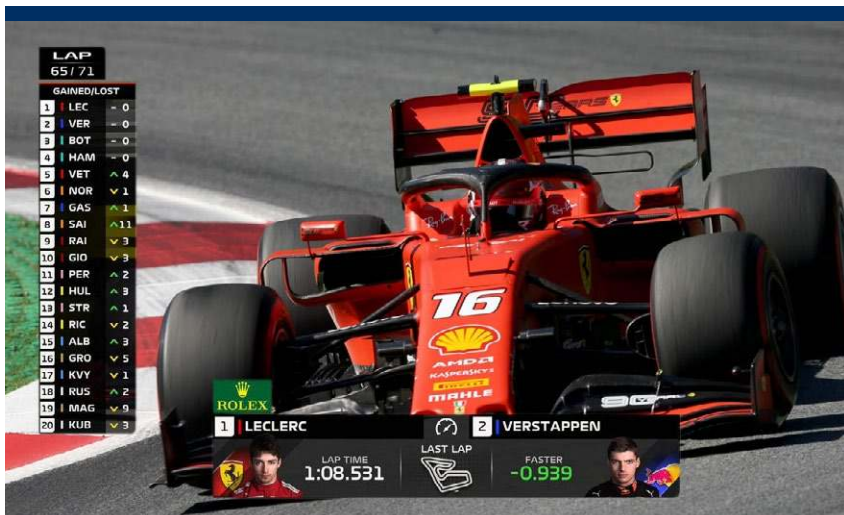
Hình ảnh tay đua Max Verstappen (đội Red Bull) đang hoàn thành một vòng đua tại Chặng đua F1 myWorld Austrian Grand Prix 2019.

LAPS

Each time drivers cross the finish line is considered finish one lap.

VÒNG ĐUA

Mỗi lần xe vượt qua vạch đích, tay đua được ghi nhận là đã hoàn thành một vòng đua.



Tay đua Charles Leclerc (đội Ferrari) hoàn thành vòng đua thứ 65 trong thời gian 1 phút 08.531 giây tại chặng đua F1 myWorld Austrian Grand Prix 2019.

LAP TIME

A period of time taken to complete a lap.

THỜI GIAN MỘT VÒNG ĐUA

Khoảng thời gian để mỗi tay đua hoàn thành một vòng đua.



Hình ảnh các tay đua của đội đua Red Bull và đội đua Sauber hoàn thành vòng đua cuối cùng trước khi vào đường Pit (lap,in) tại Cuộc đua phân hạng Chặng đua F1 Qantas Australian Grand Prix 2011.

IN LAP (LAP, IN)

The final lap a driver starts before heading for the pit lane; time is not recorded.

LAP, IN

Vòng đua cuối cùng của một tay đua trước khi vào đường Pit tại Cuộc đua phân hạng. Vòng đua này không tính thời gian.



Hình ảnh tay đua Sebastian Vettel (đội Ferrari) hoàn thành vòng đua đầu tiên sau khi rời khỏi đường Pit (lap,out) tại Cuộc đua phân hạng, Chặng đua F1 Rolex Hungarian Grand Prix 2018.

OUT LAP (LAP, OUT)

The first lap a driver completes after leaving the pit lane; time is not recorded.

LAP, OUT

Vòng đua đầu tiên của một tay đua sau khi rời khỏi đường Pit tại Cuộc đua phân hạng. Vòng đua này không tính thời gian.



Các tay đua bắt đầu vòng khởi động tại Chặng đua F1 Rolex British Grand Prix 2019.

FORMATION LAP

The formation lap is the non-competitive lap that all cars undertake immediately prior to the start of the race.

VÒNG KHỞI ĐỘNG

Vòng đua không tính thời gian, không mang tính cạnh tranh để các xe khởi động ngay trước khi cuộc đua bắt đầu.



Các xe đua tại ô xuất phát trong Chặng đua F1 British Grand Prix 2015.

GRID

A marked section of the track at the start where cars line up according to their results in Qualifying.

Ô XUẤT PHÁT CỦA MỖI TAY ĐUA

Khu vực được đánh dấu trên đường đua ở điểm xuất phát, nơi các xe xếp hàng theo vị trí thứ hạng của kết quả Cuộc đua phân hạng.



Charles Leclerc (đội Ferrari) là tay đua giành nhiều Pole nhất mùa giải 2019, với 7 lần đạt thành tích tốt nhất tại Cuộc đua phân hạng các chặng: Chặng đua F1 Gulf Air Bahrain Grand Prix, Chặng đua F1 myWorld Austrian Grand Prix, Chặng đua F1 Johnnie Walker Belgian Grand Prix, Chặng đua F1 Heineken Italian Grand Prix, Chặng đua F1 Singapore Airlines Singapore Grand Prix, Chặng đua F1 VTB Russian Grand Prix, Chặng đua F1 Mexican Grand Prix và lập kỷ lục tay đua giành Pole trong 4 chặng đua liên tiếp.

POLE POSITION

The first place on the starting grid awarded to the driver who recorded the fastest lap time in Qualifying three (Q3).

VỊ TRÍ XUẤT PHÁT ĐẦU TIÊN

Vị trí đầu tiên tại ô xuất phát, được trao cho tay đua nhanh nhất ở Cuộc đua phân hạng lần 3.



Đội đua Ferrari đã xuất sắc giành được cả hai vị trí ở hàng đầu tiên tại chặng đua F1 Johnnie Walker Belgian Grand Prix 2019.

FRONT-ROW LOCKOUT

Commonly use when two cars from the same team occupy 1st and 2nd positions on the grid.

“FRONT-ROW LOCKOUT”

Thường được sử dụng trong trường hợp cả hai xe giữ vị trí số 1 và số 2 trên hàng đầu tiên đều thuộc một đội đua.



Tại chặng đua F1 VTB Russian Grand Prix 2019, việc Honda thay mới động cơ đốt trong (ICE) đã khiến 1 tay đua thuộc đội Toro Rosso và 2 tay đua thuộc đội Red Bull bị phạt đánh tụt thứ hạng 5 bậc xuất phát. Còn tay đua Daniil Kvyat (đội Toro Rosso) phải xuất phát từ cuối đoàn vì đã thay mới toàn bộ 6 bộ phận.

GRID PENALTIES

A penalty that lowers the position of cars on the grid.

PHẠT XẾP HẠNG

Phạt đánh tụt thứ hạng xuất phát.



Bức ảnh được chụp tại Chặng đua F1 Hungarian Grand Prix 2013, nơi xảy ra cuộc va chạm giữa Romain Grosjean (đội Lotus) và Felipe Massa (đội Ferrari), dẫn đến quyết định áp dụng án phạt chạy qua Pit.

DRIVE-THROUGH PENALTY

A penalty that can be handed out at the discretion of the stewards whilst the race is still running. Drivers must enter the pit lane, drive through it complying with the speed limit, and rejoin the race without stopping.

PHẠT CHẠY QUA PIT

Hình thức phạt chạy qua Pit được quyết định bởi các trọng tài khi cuộc đua vẫn đang diễn ra. Tay đua phải chạy vào đường Pit với tốc độ quy định, sau đó quay trở lại đường đua và không dừng ở Pit.



Max Verstappen (đội Red Bull) rời Pit không an toàn, tạt đầu và va chạm với Valtteri Bottas (đội Mercedes) tại vòng đua 15, Chặng đua F1 Monaco Grand Prix 2019. Với tình huống này, Max Verstappen đã phải nhận án phạt 5 giây vào kết quả cuối cùng và tụt từ vị trí thứ 2 xuống vị trí thứ 4 chung cuộc.

UNSAFE RELEASE

What race stewards investigate drivers and teams for whenever a car leaves its pit box and either collides, or nearly does, with a rival.

RỜI PIT KHÔNG AN TOÀN

Tình huống khi xe rời Pit thiếu an toàn gây tai nạn hoặc có khả năng gây ra tai nạn với các xe khác.



Tại Chặng đua F1 Heineken Italian Grand Prix 2019, tay đua Sebastian Vettel (đội Ferrari) đã nhận án phạt Stop-go (dừng 10 giây tại box của đội) do lỗi trở lại đường đua thiếu an toàn và va chạm với xe số 18 của Lance Stroll (đội Racing Point).

STOP - GO PENALTY

A penalty given that involves the driver calling at his pit and stopping for 10 seconds - with no fueling or no tyre-changing allowed.

PHẠT STOP - GO

Hình thức phạt chạy qua Pit được quyết định bởi các trọng tài khi cuộc đua vẫn đang diễn ra. Tay đua phải chạy vào đường Pit, dừng 10 giây tại box của đội, sau đó quay trở lại đường đua; trong 10 giây phạt các xe không được phép bảo trì.



Tại Chặng đua F1 Pirelli Canadian Grand Prix 2019, dù đã về đích đầu tiên với thời gian 1 giờ 29 phút 7.084 giây và bỏ cách đối thủ 1.342 giây nhưng án phạt cộng thêm 5 giây vào thành tích khiến Sebastian Vettel (đội Ferrari) mất chiến thắng vào tay Lewis Hamilton (đội Mercedes). Đội Ferrari đã kháng cáo án phạt dành cho Vettel.

APPEAL

An action that a team takes on its drivers' behalf if it feels that they have been unfairly penalised by the stewards (Most decisions are handed out during the race cannot be appealed).

KHIẾU NẠI PHÁN QUYẾT CỦA TRỌNG TÀI

Hành động khiếu nại của đội đua khi họ cảm thấy quyết định phạt của ban trọng tài không công bằng. Tuy nhiên, phần lớn các quyết định phạt đã được áp dụng ngay trong thời gian cuộc đua đang diễn ra không thể bị khiếu nại.



Hình ảnh Max Verstappen vượt Lewis Hamilton (tay đua xuất phát ở vị trí dẫn đầu) và xuất sắc giành chiến thắng tại Chặng đua F1 Petronas Malaysian Grand Prix 2017.

OVERTAKE

When the driver passes another driver and gains a higher position.

VƯỢT

Khi tay đua tăng tốc để vượt lên và chiếm vị trí của một tay đua khác.



Đội Hispania HRT không được tham gia Cuộc đua chính theo quy định của luật 107% tại Chặng đua F1 Rolex Australian Grand Prix 2011.

107% RULE

During the first phase of qualifying, any driver who fails to set a lap within 107 percent of the fastest Q1 time will not be allowed to start the race unless they have the approval of the stewards.

LUẬT 107%

Trong vòng phân hạng đầu tiên (Q1), bất kỳ tay đua nào có thời gian hoàn thành một vòng đua vượt quá 107% so với thời gian hoàn thành vòng đua của tay đua nhanh nhất, sẽ bị loại khỏi Cuộc đua chính, trừ khi có sự chấp thuận của trọng tài.



Tay đua Pastor Maldonado (đội Williams) xuất phát lỗi tại Chặng đua F1 Shell Belgian Grand Prix 2012.

JUMP START

When a driver moves off his grid position before the five red lights have been switched off to signal the start. Sensors detect premature movement and a jump start earns a driver a penalty.

XUẤT PHÁT LỖI

Là khi tay đua cho xe xuất phát trước thời điểm 5 đèn đỏ tắt. Các thiết bị cảm ứng sẽ phát hiện ngay lỗi này và tay đua sẽ bị phạt do xuất phát lỗi.



Hình ảnh xe của tay đua Daniel Ricciardo (đội Red Bull) va chạm với xe của người đồng đội Max Verstappen tại Chặng đua F1 Azerbaijan Grand Prix 2018.

INCIDENT

When a vehicle crashes into something - a wall, another vehicle, or catches on fire.

SỰ CỐ

Là tình huống khi xe đâm vào một cái gì đó như là bức tường, hàng rào; hoặc va chạm với chiếc xe khác; hoặc bốc cháy.



Hình ảnh minh họa các cán bộ y tế đang được đào tạo để thực hiện quá trình giải cứu tay đua theo đúng quy tắc an toàn.

EXTRICATION

The process of disencarceration and extraction of a patient from a vehicle. Drivers may self extricate or require help.

QUÁ TRÌNH GIẢI CỨU

Quá trình giải cứu tay đua gặp tai nạn ra khỏi chiếc xe. Tay đua có thể tự thoát ra hoặc yêu cầu trợ giúp.



Hình ảnh cán bộ điều hành đua phát cờ xanh nước biển ra hiệu cho tay đua phía trước (đang ở vị trí cuối) nhường cho tay đua phía sau (đang dẫn đầu) vượt qua.

BACKMARKER

A term used to describe a driver at the rear end of the field, often when he is encountered by the race leaders. Blue flags are used to inform the backmarker when he should let a faster car past.

XE CHẠY CUỐI ĐOÀN

Cụm từ dùng để xác định tay đua chạy cuối cùng, thường được nhắc đến khi xe dẫn đầu sắp vượt xe chạy cuối (với cách biệt từ một vòng đua trở lên). Cờ xanh nước biển sẽ được sử dụng để nhắc tay đua chạy cuối nhường cho tay đua dẫn đầu vượt qua.



Tay đua Felipe Massa (đội Ferrari) đưa xe về Pit để các kỹ thuật viên thay lốp tại Chặng đua F1 Petronas Malaysian Grand Prix 2013.

BOX, BOX

The single word used by race engineers to instruct their driver to pit at the end of the lap.

HIỆU LỆNH YÊU CẦU XE VỀ PIT (ĐỘNG TỪ)

Động từ được đội kỹ thuật của đội đua sử dụng nhằm yêu cầu tay đua đưa xe về đường Pit để thay lốp hoặc sửa chữa.



Hình ảnh vị trí đỗ xe đua của đội Red Bull trên đường Pit tại Chặng đua F1 Monaco Grand Prix 2017.

BOX

The single word used as a noun, refers to the drivers' servicing area in the pit lane.

“BOX”

Danh từ chỉ ô xác định vị trí đỗ xe của tay đua trên đường Pit.

THE CAR
XE ĐUA



Hình ảnh xe đua một chỗ ngồi Alfa Romeo 158 (được thiết kế từ năm 1937) tại Chặng đua F1 British Grand Prix 1950 tại Silverstone, Anh Quốc. Ở mùa giải đầu tiên này, các đội đua đều sử dụng những chiếc xe được thiết kế từ trước Thế chiến II.

SINGLE-SEATER OPEN WHEELS

A type of car with the wheels outside the car's main body, having only one seat and are usually built specifically for road racing.

XE ĐUA MỘT CHỖ NGỒI - BỐN BÁNH HỎI

Loại xe ô tô có bánh nằm ngoài thân xe, có một chỗ ngồi, được thiết kế chuyên dùng cho các cuộc đua trên đường đua kín.



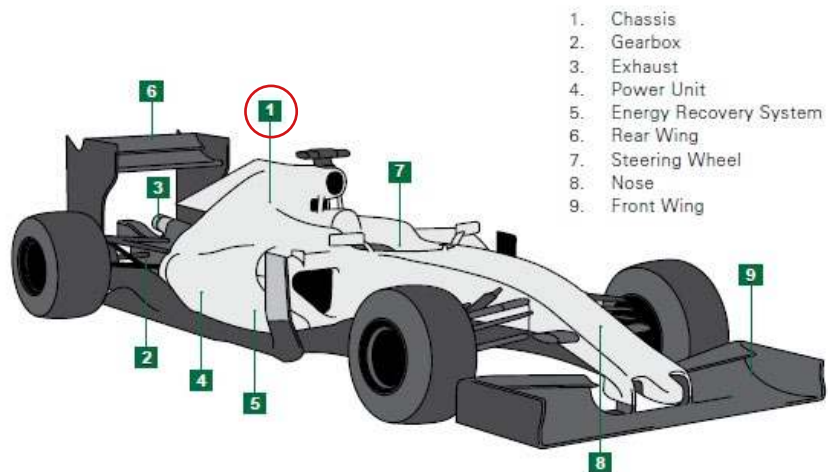
Hình minh họa khoang lái liền khối.

MONOCOQUE (THE TUB)

The single-piece carbon fiber tub in which the cockpit is located, with the engine fixed behind it and the front suspension on either side at the front (The tub).

KHOANG LÁI LIỀN KHỐI

Khoang liền khối bao gồm chỗ ngồi của tay đua, động cơ được gắn phía sau và hệ thống treo phía trước.



1. Chassis
2. Gearbox
3. Exhaust
4. Power Unit
5. Energy Recovery System
6. Rear Wing
7. Steering Wheel
8. Nose
9. Front Wing

Hình minh họa khung xe.

CHASSIS

The main part of a racing car to which the engine and suspension are attached is called the chassis.

KHUNG XE

Khung xe là phần xương sống của chiếc xe với động cơ được gắn phía sau và hệ thống treo để gắn 4 bánh xe.



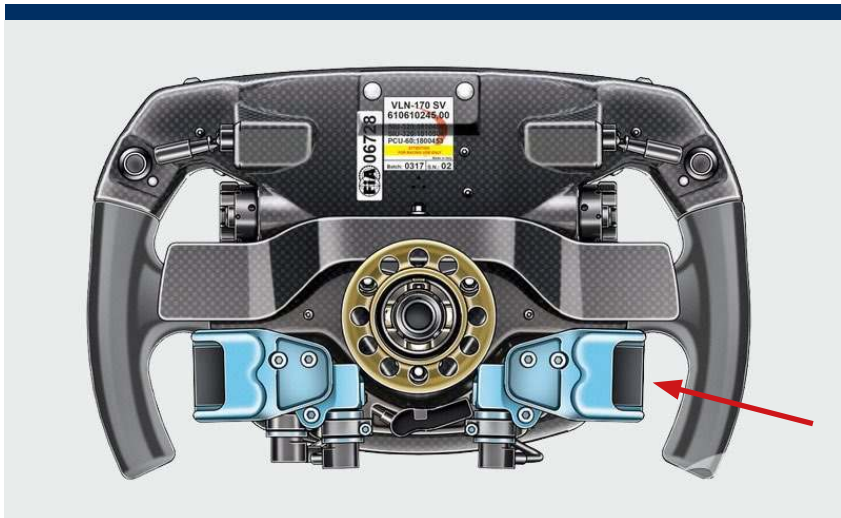
Hình minh họa vô lăng.

STEERING WHEEL

Apart from steering the car, it has controls, display and communication modules integrated.

VÔ LĂNG

Ngoài việc dùng để điều khiển xe, vô lăng xe F1 còn có thêm các phím điều khiển các tính năng, màn hình hiển thị thông số và chức năng liên lạc với đội kỹ thuật.



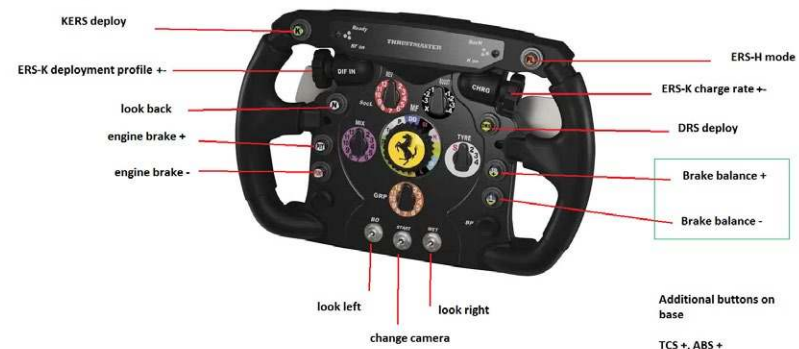
Hình minh họa các lẫy điều khiển hộp số gắn phía sau vô lăng.

PADDLES

Levers on either side of the back of a steering wheel with which a driver changes up and down the gearbox.

LÃY ĐIỀU KHIỂN HỘP SỐ TRÊN VÔ LĂNG

Các lẫy điều khiển hộp số gắn phía sau vô lăng có chức năng chuyển số và điều khiển tùy biến.



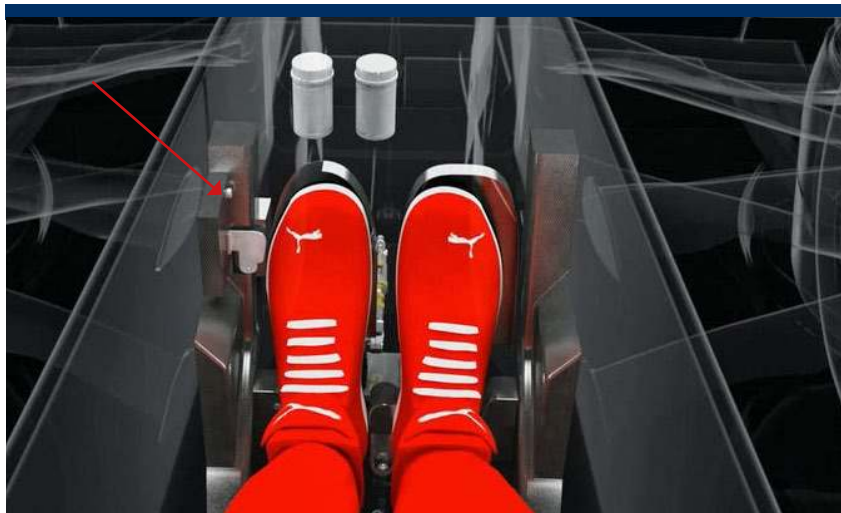
Hình minh họa cân bằng phanh.

BRAKE BALANCE

A switch in the cockpit to alter the split of the car's braking power between the front and the rear wheels according to a driver's wishes. Also call brake bias.

CÂN BẰNG PHANH

Núm vặn điều chỉnh lực phanh giữa cụm bánh trước và cụm bánh sau.



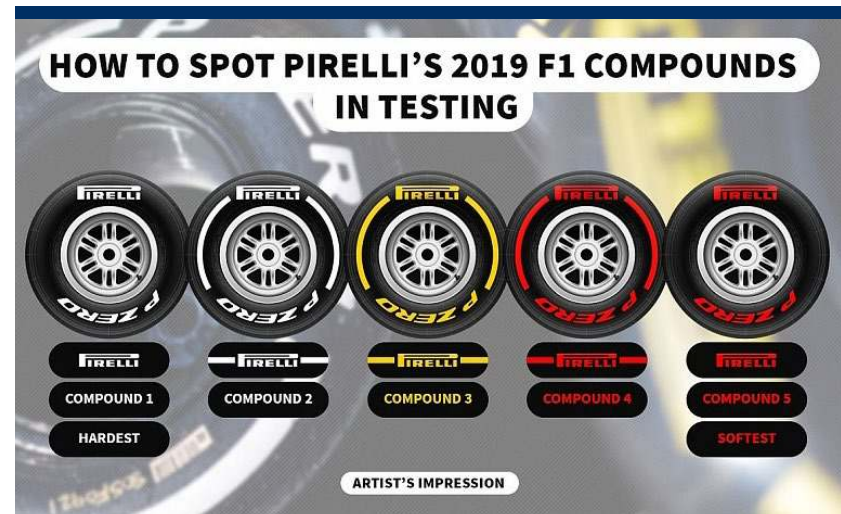
Hình minh họa phanh chân trái.

LEFT-FOOT BRAKING

A style of braking made popular in the 1990s following the arrival of hand clutches so that drivers could keep their right foot on the throttle and dedicate their left to braking.

PHANH CHÂN TRÁI

Phanh chân trái là kiểu phanh được phát triển cho các xe đua từ khoảng năm 1990. Với sự phát triển công nghệ, tay côn được đưa lên vô lăng, các tay đua có thể sử dụng chân phải để ga và chân trái để phanh.



Hình minh họa các loại lốp có công thức hợp chất cấu tạo lốp khác nhau được sử dụng trong mùa giải năm 2019.

TIRE COMPOUND

The type of rubber mix used in the construction of a tyre, ranging from soft through medium to hard, with each offering a different performance and wear characteristic.

HỢP CHẤT CẤU TẠO LỐP

Hỗn hợp pha trộn của cao su khi sản xuất lốp. Mỗi công thức hỗn hợp tạo nên hiệu suất khác nhau về độ bền và độ mài mòn của các loại lốp, từ lốp mềm, lốp trung bình đến lốp cứng.



Hình ảnh xe của tay đua Nico Rosberg (xe phía trước) bị khoá bánh tại góc của số 1 trong Chặng đua F1 Russian Grand Prix 2014.

LOCK-UP

The term used to describe a driver braking sharply and 'locking' one or more tyres whilst the others continue rotating. Tyre smoke and flat spots are common side effects.

KHOÁ BÁNH

Hiện tượng tay đua phanh quá gấp, mạnh dẫn đến khoá một hoặc nhiều bánh xe trong khi các bánh xe khác vẫn quay. Kết quả của việc khoá bánh là cháy cao su lốp và tạo ra điểm mòn phẳng trên lốp.



Hình ảnh minh họa điểm mòn phẳng trên lốp.

FLAT-SPOT

The term given to the area of a tyre that is worn heavily on one spot after a moment of extreme braking or in the course of a spin. This ruins its handling, often causing severe vibration, and may force a driver to pit for a replacement set of tyres.

ĐIỂM MÒN PHẪNG TRÊN LỐP

Cụm từ để chỉ vị trí mòn phẳng trên mặt lốp sau khi bị khoá bánh do phanh gấp hoặc sau khi bị xoay vòng xe trên mặt đường. Các điểm mòn này tạo ra các vấn đề rất nghiêm trọng với xe như rung mạnh, khó điều khiển và thường thì bắt buộc các tay đua phải về Pit để thay lốp.



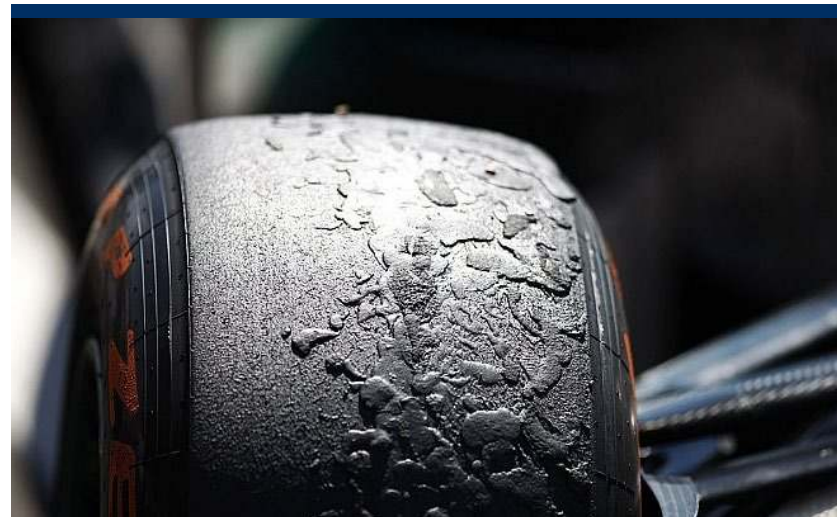
Hình ảnh minh họa bong rộp mặt lốp.

BLISTERING

The consequence of a tyre, or part of a tyre, overheating. Excess heat can cause rubber to soften and break away in chunks from the body of the tyre.

BONG RỘP MẶT LỐP

Bề mặt lốp bong rộp thường xảy ra do lốp quá nóng, khi đó sẽ dẫn tới hiện tượng các lớp trên bề mặt không còn kết dính mà bong tróc thành từng mảng.



Hình ảnh minh họa vụn cao su dính trên mặt lốp.

GRAINING

When a car slides, it can cause little bits of rubber ('grains') to break away from the tyre's grooves. These then stick to the tread of the tyre, effectively separating the tyre from the track surface very slightly.

DÍNH VỤN CAO SU

Khi vào cua, xe đua có thể bị trượt ngang do tác động của lực ly tâm, khiến những vụn cao su tách ra khỏi bề mặt lốp. Những mảnh vụn cao su này sau đó lại dính vào bề mặt lốp gây ra hiện tượng "dính vụn cao su" - "graining" và làm giảm độ bám của lốp.



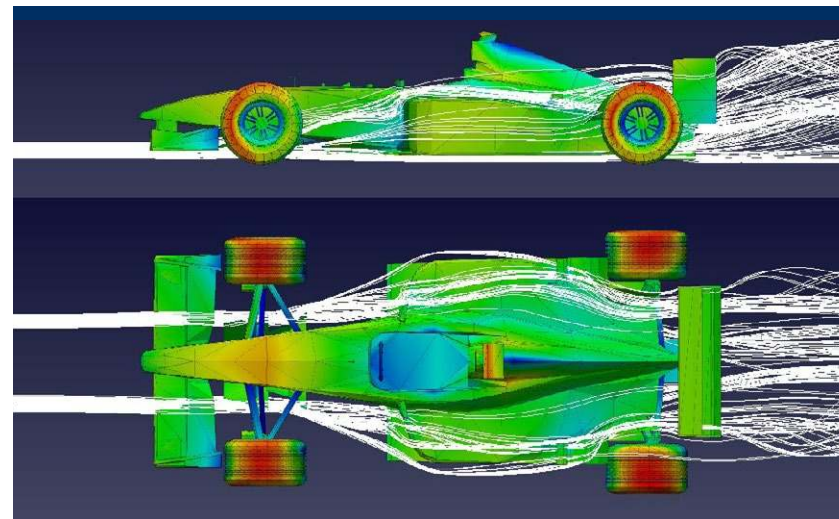
Tại Chặng đua F1 Japanese Grand Prix 2019, ngay từ vòng đua đầu tiên, xe của tay đua Charles Leclerc (đội Ferrari) đâm vào xe của tay đua Max Verstappen (đội Red Bull) khiến xe của tay đua đội Ferrari hỏng tấm điều khiển gió phía trước, bên trái xe. Tuy nhiên Leclerc vẫn tiếp tục đua khiến một phần của bộ phận bị hỏng, các mảnh vỡ bung ra, bay vào gương hậu bên phải xe của tay đua Lewis Hamilton (đội Mercedes), một phần bộ phận bị hỏng khác (các mảnh vỡ) cũng bay vào đĩa phanh trước xe của tay đua Lando Norris (đội McLaren). Việc tiếp tục đua mà không vào Pit thay các bộ phận bị hỏng, đồng thời vô ý để các mảnh vỡ gây nguy hiểm cho các tay đua khác đã khiến Leclerc nhận án phạt cộng thêm 10 giây vào thành tích thi đấu.

DEBRIS

Scattered pieces of waste or remains on the track. Track-side marshals are incharged of clearing debris from the track as ordered while complying all safety rules.

CÁC MẢNH VỠ

Các mảnh nhỏ bị bắn ra từ các xe đua khi va chạm. Các nhân viên dọn dẹp có nhiệm vụ thu gom các mảnh vỡ trên đường đua theo chỉ định và phải tuân thủ các yếu tố an toàn.



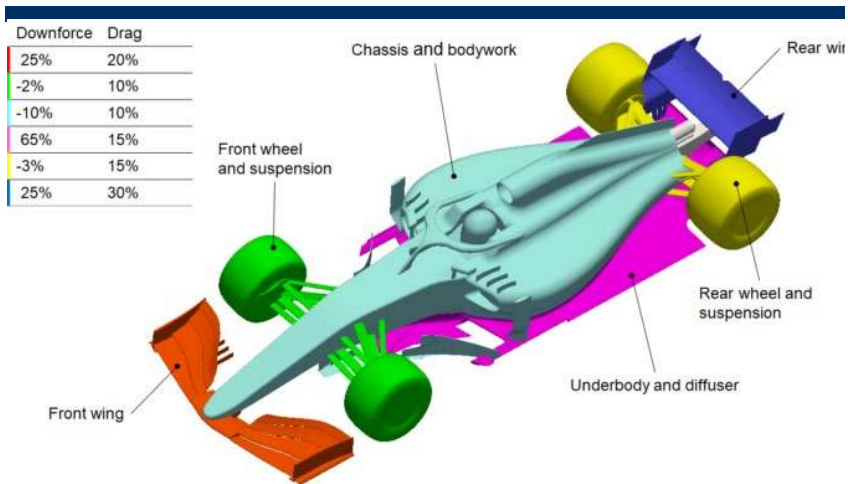
Hình ảnh minh họa khí động học tác động lên xe đua.

AERODYNAMICS

The study of airflow over and around an object and an intrinsic part of F1 car design.

KHÍ ĐỘNG HỌC

Khí động học là những nghiên cứu về luồng khí chạy qua một vật thể. Ứng dụng khí động học là một trong những yếu tố cốt lõi khi thiết kế một chiếc xe đua F1.



Hình minh họa các bộ phận trên xe đua với các tỉ lệ tạo ra lực cản không khí tương ứng.

DRAG

The aerodynamic resistance experienced as a car travels forwards.

LỰC CẢN KHÔNG KHÍ

Lực cản không khí xảy ra khi xe đua di chuyển với tốc độ cao về phía trước.



Hình minh họa các bộ phận trên xe đua với các tỉ lệ tạo ra lực nén xuống tương ứng.

DOWNFORCE

The aerodynamic force that is applied in a downwards direction as a car travels forwards. This is harnessed to improve a car's traction and its handling through corners.

LỰC NÉN XUỐNG

Lực không khí tác động theo chiều đi xuống được tạo ra khi xe di chuyển. Lực này được ứng dụng để tăng cường độ bám mặt đường và tăng khả năng điều khiển khi vào cua.



Hình ảnh minh họa dòng xoáy không khí.

VORTEX

A vortex in F1 is a spinning flow of air generated from a solid surface, clearly emerges when the car is going straight and affects the speed of the car. Vortex flow management is now one of the key aspects in designing a successful F1 car.

DÒNG XOÁY KHÔNG KHÍ

Các dòng xoáy không khí này được tạo ra bởi các luồng khí đi qua các chi tiết cấu tạo nên chiếc xe F1, xuất hiện rõ nhất khi xe chạy trên đường thẳng và có ảnh hưởng đáng kể đến vận tốc của xe. Các thiết kế xe F1 ngày nay rất chú trọng đến việc phát huy được các tác động có lợi của “vortex”.



Tại chặng đua F1 VTB Russian Grand Prix 2019, tay đua Sebastian Vettel (đội Ferrari) xuất phát tại vị trí thứ 3, nhưng đã vượt tay đua Lewis Hamilton (đội Mercedes) và Charles Leclerc (đội Ferrari) để leo lên dẫn đầu nhờ núp gió đồng đội.

SLIPSTREAMING

A driving tactic when a driver is able to catch the car ahead and duck in behind its rear wing to benefit from a reduction in drag over its body and hopefully be able to achieve a superior maximum speed to slingshot past before the next corner.

NÚP GIÓ

Chiến thuật tay đua sử dụng khi bám theo xe đua phía trước để hưởng lợi từ việc giảm lực cản lên thân xe, nhằm đạt được tốc độ tối đa và có nhiều cơ hội hơn để vượt xe phía trước.



Hình ảnh xe của tay đua Sebastian Vettel (đội Ferrari) do mất độ bám đường trong lượt cuối Q3 Cuộc đua phân hạng nên anh đã không đạt được tốc độ tối ưu và chỉ được xếp ở vị trí thứ 7 trên vạch xuất phát tại Chặng đua F1 Pirelli French Grand Prix 2019.

GRIP

The amount of traction a car has at any given point, affecting how easy it is for the driver to keep control through corners.

ĐỘ BẮM ĐƯỜNG

Mức độ bám đường của xe đua ở một thời điểm xác định ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng kiểm soát xe của tay đua lúc vào cua.



Hình minh họa dòng khí sạch và dòng khí bẩn.

CLEAN AIR/ DIRTY AIR

Air that isn't turbulent, and thus offers optimum aerodynamic conditions, as experienced by a car at the head of the field.

DÒNG KHÍ SẠCH/ KHÍ BẨN

Khí sạch và khí bẩn là hai định nghĩa đối lập nhau về dòng khí nhiễu động và không khí tĩnh. Khí sạch là khí không có nhiễu động gây ra bởi các xe phía trước, do đó đem đến các điều kiện khí động học tối ưu cho xe đua.



Hình minh họa bộ điều khiển điện tử tiêu chuẩn.

S-ECU

Short for Electronic Control Unit, a standard unit that controls the electrical systems on all F1 cars including the engine and gearbox.

BỘ ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN TỬ TIÊU CHUẨN

Tất cả các xe đua F1 đều sử dụng bộ phận điều khiển điện tử giống nhau, bộ phận này điều khiển cả động cơ và hộp số.



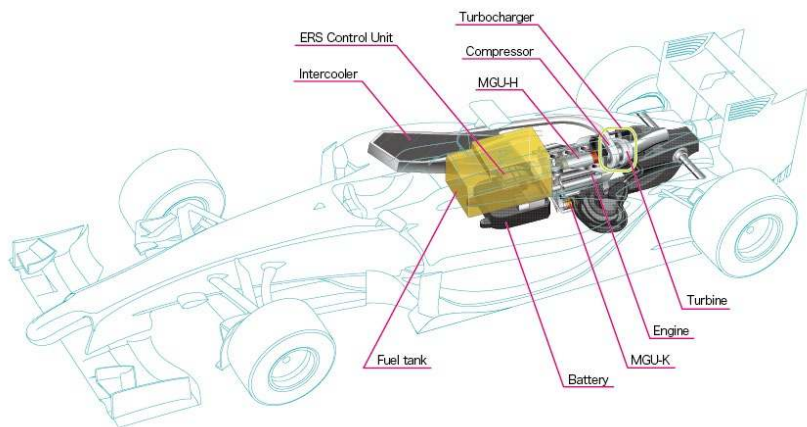
Hình minh họa động cơ đốt trong.

ICE

Internal Combustion Engine.

ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG

Động cơ đốt trong của xe F1 là một phần quan trọng trong toàn bộ cụm động cơ của xe.



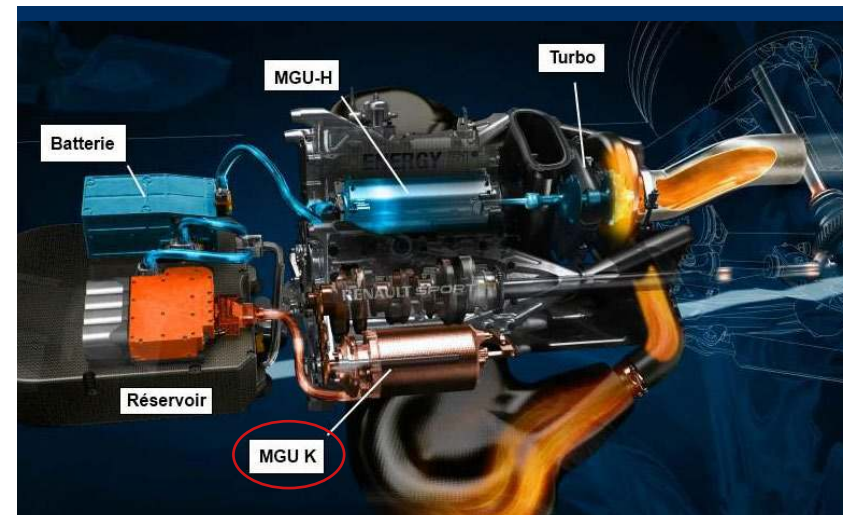
Hình minh họa hệ thống thu hồi năng lượng.

ERS

Energy Recovery Systems, consist of Motor Generator Units that harness waste heat energy (from the turbocharger) and waste kinetic energy (from the braking system). This energy is then stored and subsequently used to propel the car.

HỆ THỐNG THU HỒI NĂNG LƯỢNG

Hệ thống thu hồi năng lượng của xe F1 bao gồm các máy phát điện dùng để thu hồi nhiệt năng (từ bộ phận tăng áp động cơ) và thu hồi động năng (từ hệ thống phanh). Năng lượng này được lưu trữ trong hệ thống pin, sau đó được sử dụng để tăng lực đẩy xe.



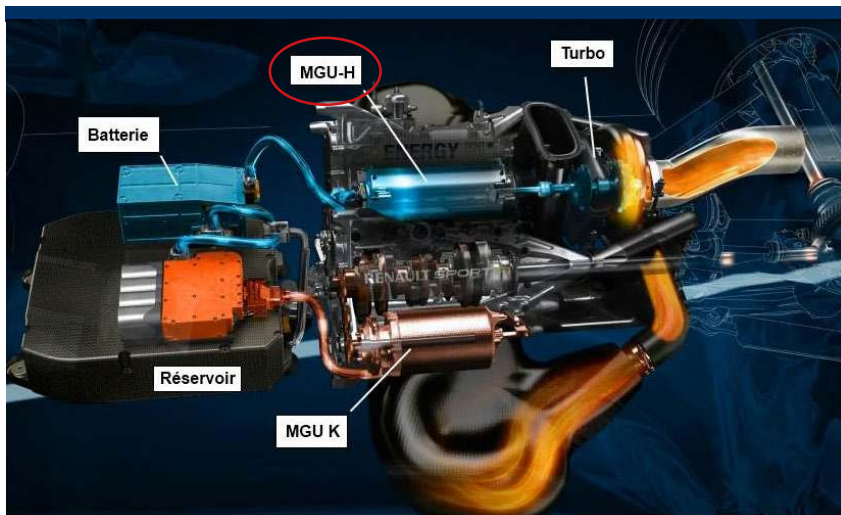
Hình minh họa hệ thống thu hồi động năng.

MGU-K

MGU-K (which stands for Motor Generator Unit - Kinetic).

HỆ THỐNG THU HỒI ĐỘNG NĂNG

Hệ thống thu hồi động năng từ phanh.



Hình minh họa hệ thống thu hồi nhiệt năng.

MGU-H

MGU-H (which stands for Motor Generator Unit - Heat).

HỆ THỐNG THU HỒI NHIỆT NĂNG

Hệ thống thu hồi nhiệt năng từ động cơ.



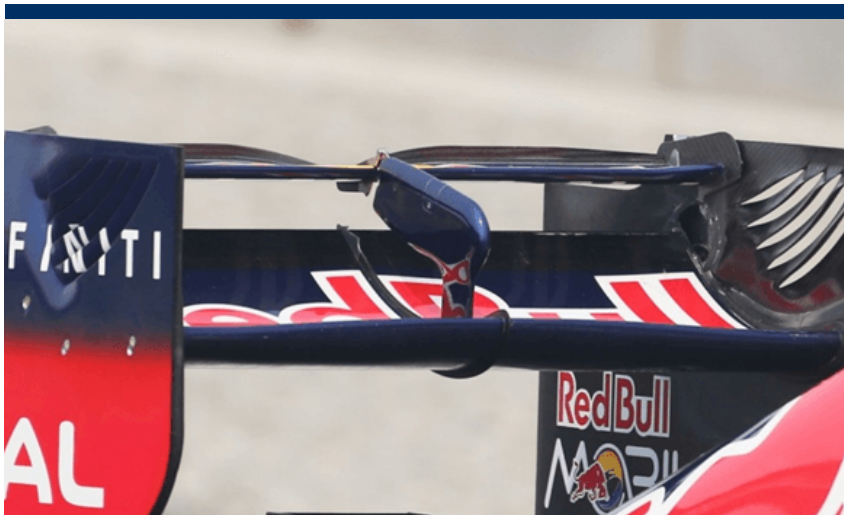
Hình minh họa hệ thống lưu trữ năng lượng điện.

ES

Energy Store (ES): usually a set of lithium ion batteries that are used to store energy created by the powertrain and ERS (Energy Recovery System).

HỆ THỐNG LƯU TRỮ NĂNG LƯỢNG ĐIỆN

Hệ thống pin lithium lưu trữ nguồn năng lượng được tạo ra từ chuyển động (cơ năng) và hơi nóng thoát ra của động cơ (nhiệt năng), sau đó cung cấp năng lượng trở lại cho chính động cơ.



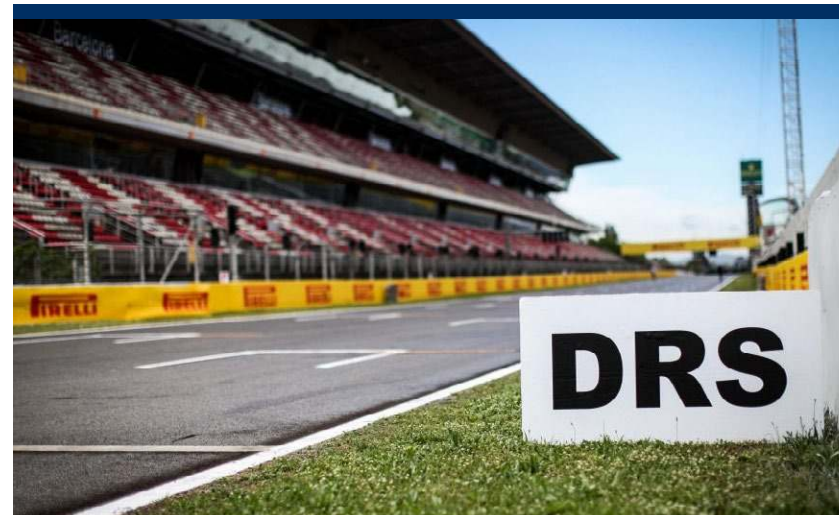
Hình ảnh minh họa hệ thống giảm lực cản không khí của xe đua đội đua Red Bull.

DRS

Also known as adjustable rear wings, DRS (Drag Reduction System). The system's availability is electronically governed - it can be used at any time in practice and qualifying, but during the race can only be activated when a driver is less than one second behind another car at pre-determined points on the track. The system is then deactivated once the driver brakes.

HỆ THỐNG GIẢM LỰC CẢN KHÔNG KHÍ

Hệ thống giảm lực cản không khí điều chỉnh bằng các cánh gió sau. Hệ thống được điều khiển bằng điện và được sử dụng thoải mái trong các cuộc chạy thử cũng như trong Cuộc đua phân hạng. Tuy nhiên, trong Cuộc đua chính, hệ thống chỉ được kích hoạt trong đoạn đường đua cho phép sử dụng DRS khi khoảng cách thời gian giữa xe bám đuổi phía sau với xe trước chỉ dưới 1 giây. Hệ thống tự ngắt khi tay đua sử dụng phanh.



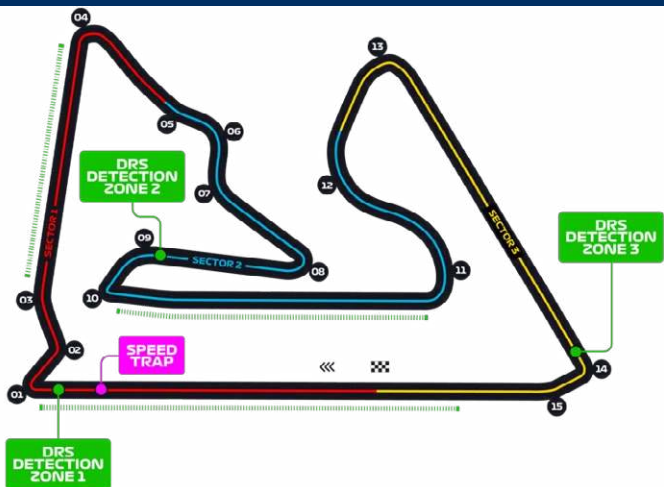
Hình ảnh minh họa điểm gắn cảm biến DRS.

DRS DETECTION ZONE

When both cars cross the detection point, the pursuing car must be within a second in order for DRS to activate.

ĐOẠN ĐƯỜNG GẮN CẢM BIẾN DRS

Khi hai xe đua chạy qua một điểm có gắn thiết bị đo, xe đuổi theo sau phải có khoảng cách thời gian dưới 1 giây so với xe trước thì hệ thống DRS mới được bật. Hệ thống tự động này được kiểm soát bởi F1 và FIA.



Bản đồ minh họa đoạn đường đua được sử dụng DRS tại đường đua Bahrain, Chặng đua F1 Bahrain Grand Prix.

DRS ACTIVATION ZONE

Is the zone on the track where the system is allowed to activate DRS.

ĐOẠN ĐƯỜNG ĐUA ĐƯỢC SỬ DỤNG DRS

Quãng đường trên đường đua, ở đó hệ thống cho phép bật DRS.



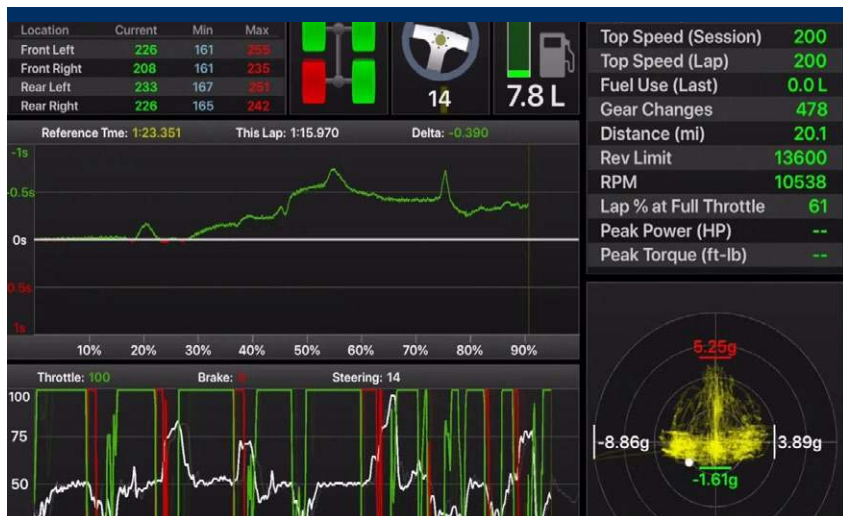
Hình ảnh minh họa bằng bảng điều hướng gió hông xe.

BARGEBOARD

The piece of bodywork mounted vertically between the front wheels and the start of the sidepods to help smooth the airflow around the sides of the car.

BẢNG ĐIỀU HƯỚNG GIÓ HÔNG XE

Một chi tiết của xe đua gắn bên hông xe, giữa bánh trước và hai cửa gió với mục đích làm cho luồng khí chạy trơn tru dọc theo thân xe. Theo tiêu chuẩn mới, từ mùa giải 2021, chi tiết này sẽ không còn được sử dụng.



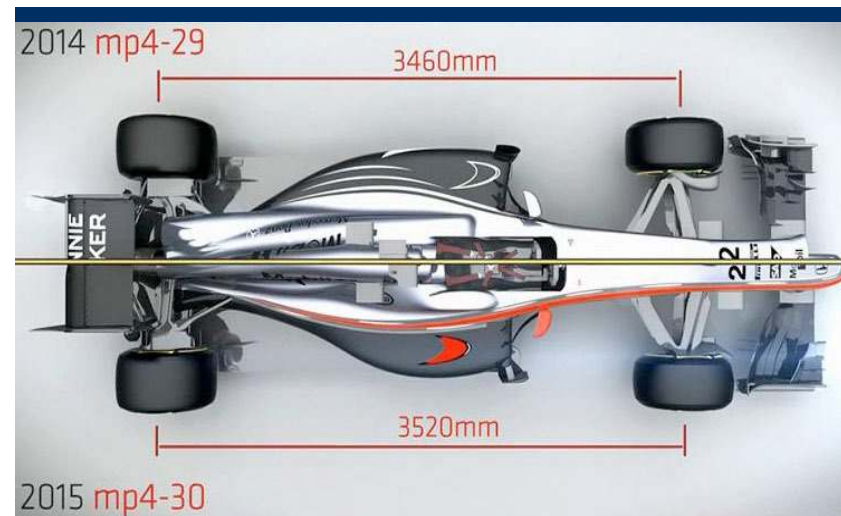
Hình ảnh minh họa hệ thống đo và truyền dữ liệu từ xa.

TELEMETRY

A system that beams data related to the engine and chassis to computers in the pit garage so that engineers can monitor that car's behaviour.

HỆ THỐNG ĐO & TRUYỀN DỮ LIỆU TỪ XA

Hệ thống tự động ghi nhận, thu thập, phân tích và truyền dữ liệu về động cơ và khung xe đến các máy tính tại *Pit garage*, giúp cho các chuyên viên kỹ thuật giám sát tình trạng xe đua nhằm đưa ra các cảnh báo cho tay đua.



Hình minh họa chiều dài cơ sở.

WHEELBASE

The distance between the centre points of the front and rear wheels. An F1 car's wheelbase influences the way it handles.

CHIỀU DÀI CƠ SỞ

Khoảng cách từ tâm của bánh trước đến tâm của bánh sau. Với một chiếc xe đua F1 thì chiều dài cơ sở sẽ ảnh hưởng đến cảm giác lái của xe.



Hình ảnh chiếc xe Ferrari của tay đua Sebastian Vettel bị chạm gầm xuống mặt đường tạo ra các tia lửa tại Chặng đua F1 Rolex British Grand Prix 2017.

BOTTOMING

When a car's chassis hits the track surface as it runs through a sharp compression and reaches the bottom of its suspension travel.

CHẠM GẦM

Khi khung xe va chạm xuống bề mặt đường thường tạo ra các tia lửa. Hiện tượng này xảy ra khi có một lực nén lớn xuất hiện và xe chạm đến điểm thấp nhất của hành trình giảm xóc.



Hình ảnh màn hình hiển thị lực gia tốc trọng trường mà tay đua Lewis Hamilton (đội Mercedes) cảm nhận được tại góc cua số 1 trong Chặng đua F1 Rolex Australian Grand Prix 2017.

G-FORCE

A physical force equivalent to one unit of gravity that is multiplied during rapid changes of direction or velocity. Drivers experience severe G-forces as they corner, accelerate and brake.

LỰC GIA TỐC TRỌNG TRƯỜNG

Một lực vật lý tương đương với 1 đơn vị lực hút trái đất. Khi xe đua thay đổi trạng thái đột ngột như tăng tốc, phanh, vào cua các tay đua sẽ cảm nhận được lực G-force ở mức độ rất cao.



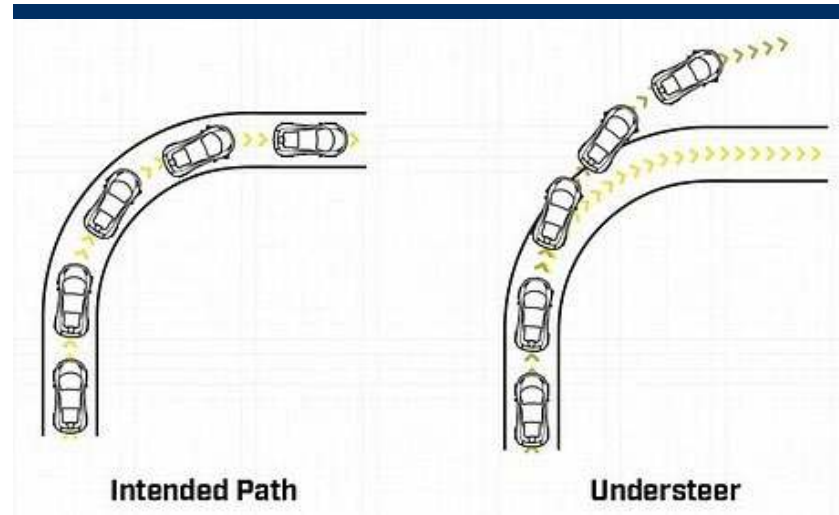
Hình ảnh minh họa hiện tượng tóe lửa phát ra từ dưới gầm xe của đội đua Red Bull.

SPARKS

The back-for-2015 firework-like phenomenon from underneath the cars which has been achieved thanks to the introduction of titanium skid plates around the wooden planks.

HIỆN TƯỢNG TÓE LỬA

Hiện tượng giống như pháo hoa phát ra từ dưới gầm xe khi xe chạm gầm. Hiện tượng này xảy ra do cấu tạo gầm xe F1 bao gồm các bộ phận có gỗ và titanium.



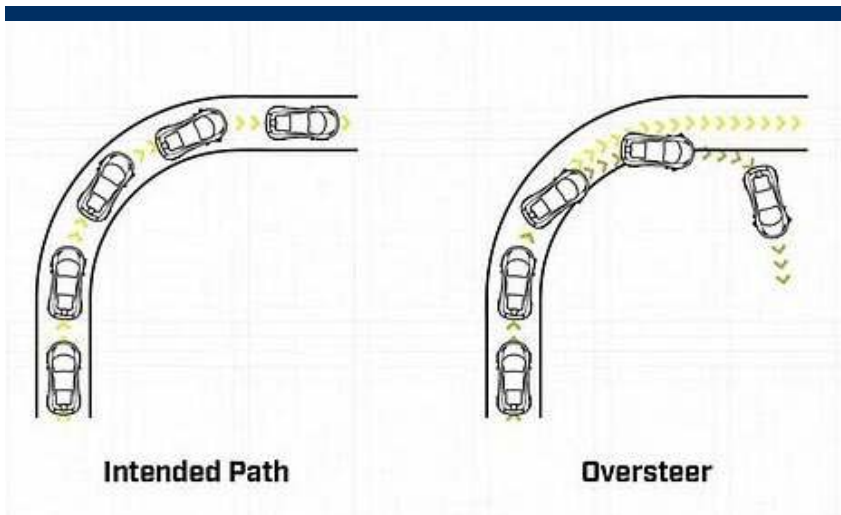
Hình minh họa hiện tượng thiếu lái (bên phải).

UNDERSTEER

Where the front end of the car doesn't want to turn into a corner and slides wide as the driver tries to turn in towards the apex.

HIỆN TƯỢNG THIẾU LÁI

Phần đầu xe không tuân theo sự điều khiển của lái xe khiến cho xe vào cua không đủ góc và có xu hướng văng ra khỏi đường đua.



Hình minh họa hiện tượng thừa lái (bên phải).

OVERSTEER

When a car's rear end doesn't want to go around a corner and tries to overtake the front end as the driver turns in towards the apex.

HIỆN TƯỢNG THỪ LÁI

Phần đuôi xe không tuân theo sự điều khiển của lái xe và có xu hướng vượt lên bánh trước khi vào cua khiến xe có nguy cơ bị xoay ngang.



Hình ảnh tay đua Kimi Raikkonen (đội Alfa Romeo) điều khiển chiếc xe vào cua với cảm giác lái tốt trên đường đua Catalunya, Tây Ban Nha trong ngày chạy thử trước mùa giải năm 2019.

HANDLING

A term used to describe a car's responsiveness to driver input and its ability to negotiate corners effectively. A car that handles well will typically be well-balanced and not understeer or oversteer to any great degree.

CẢM GIÁC LÁI

Một định nghĩa để mô tả khả năng phản ứng của xe dưới sự điều khiển của tay đua cũng như khả năng vào cua hiệu quả của xe. Một chiếc xe có cảm giác lái tốt là chiếc xe cân bằng, không thiếu lái hoặc thừa lái.



Tay đua Daniel Ricciardo (đội Red Bull) bỏ cuộc tại Chặng đua F1 Gulf Air Bahrain Grand Prix 2018 khi chiếc xe bị mất năng lượng do lỗi kỹ thuật.

RETIREMENT

When a car has to drop out of the race because of an accident or mechanical failure.

BỎ CUỘC

Khi một chiếc xe gặp lỗi kỹ thuật hoặc tai nạn khiến tay đua buộc phải rời bỏ cuộc đua.



Hình ảnh minh họa thiết bị tựa đầu.

HEADREST

The removable energy-absorbing foam that surrounds the driver's helmet in the cockpit.

TỰA ĐẦU

Một khối xốp ôm vòng quanh mũ bảo hiểm của tay đua khi tay đua ngồi trong xe với mục đích bảo vệ khi va đập.



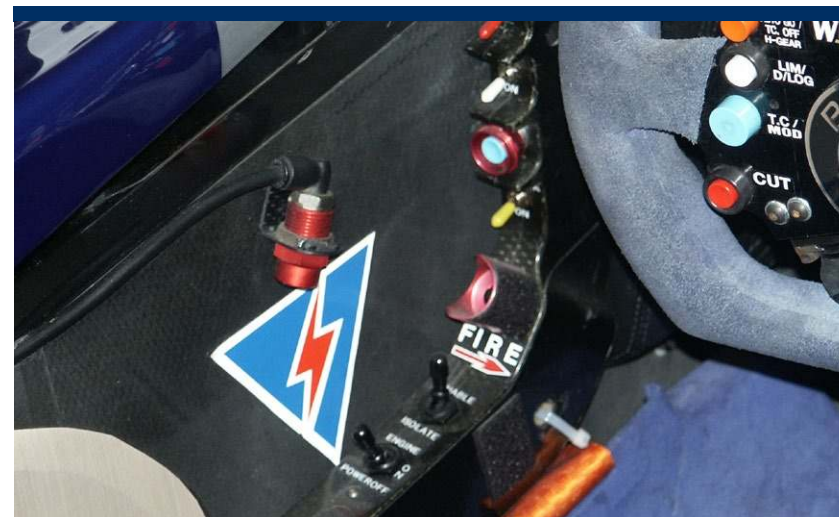
Tay đua Mark Webber cùng thiết bị hỗ trợ đầu và cổ tại Chặng đua F1 Rolex Australian Grand Prix 2013.

HANS DEVICE

Short for Head and Neck Support Device, a mandatory safety device that fits over the driver's shoulders and connects to the back of the helmet to prevent excessive head and neck movement in the event of an accident.

THIẾT BỊ HỖ TRỢ ĐẦU VÀ CỔ

Tất cả các tay đua phải đeo thiết bị này khi lái xe đua nhằm giảm thiểu chấn thương trong trường hợp xảy ra tai nạn.



Hình ảnh minh họa công tắc cứu hỏa.

EXTINGUISHER SWITCH

Releases dry powder throughout the engine bay and cabin. Only use if the car is on fire AND the driver is still in the car.

CÔNG TẮC CỨU HỎA

Công tắc kích hoạt hệ thống chữa cháy bằng bột trên khắp khoang máy và khoang lái xe. Chỉ sử dụng nếu xe bị cháy VÀ tay đua vẫn ở trong xe.



Tay đua Daniel Ricciardo (đội Red Bull) thử xe với thiết bị halo tại đợt chạy thử trước mùa giải năm 2018 tại Barcelona.

HALO

Protection of the open cockpit driver. Made of titanium and carbon fibre. Protects the head from flying objects as well as during a rollover.

HALO

Thiết bị bảo vệ được làm bằng titan và sợi carbon nhằm bảo vệ đầu tay đua trong các trường hợp có các vật thể bay trên đường đua hay xe đua bị lật, lộn nhiều vòng.



Hình ảnh đội kỹ thuật của đội đua Force India đang đưa xe đua vào khu kiểm tra kỹ thuật tại Chặng đua F1 Emirates Spanish Grand Prix 2018.

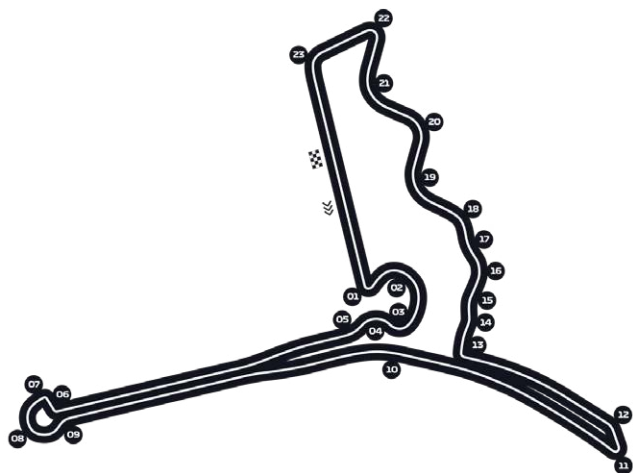
SCRUTINEERING

The technical checking of cars by the officials to ensure that none are outside the regulations.

KIỂM TRA KỸ THUẬT

Quá trình kiểm tra xe được thực hiện bởi các cán bộ kỹ thuật của ban tổ chức nhằm đảm bảo rằng tất cả các tiêu chuẩn, yêu cầu trong điều lệ được tuân thủ.

THE CIRCUIT
TRƯỜNG ĐUA



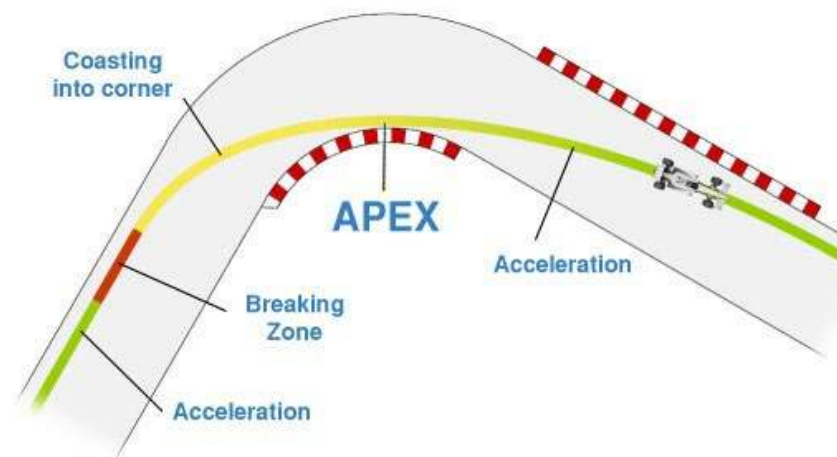
Đường đua F1 Hà Nội có 23 góc cua.

TURN (T + NUMBER)

Each turn in the circuit is given a number with the format T+ number.

GÓC CUA (T + SỐ THỨ TỰ)

Mỗi góc cua trên đường đua được đặt tên bắt đầu bằng “T + số thứ tự” xuôi theo chiều của đường đua.



Hình minh họa đỉnh góc cua.

APEX

The middle point of the inside line around a corner at which drivers aim their cars.

ĐỈNH GÓC CUA

Điểm giữa đường biên trong của góc cua mà các tay đua thường hướng đến nhằm đạt được tốc độ tối ưu để chiếm lợi thế khi vượt qua khúc cua.



Đoạn đường đua chữ S tại đường đua Paul Ricard, Marseille, Pháp.

CHICANE

A tight sequence of corners in alternate directions. Usually inserted into a circuit to slow the cars.

CUA CHỮ S

Đoạn đường tạo thành hình chữ S bởi các khúc cua liên tiếp có hướng cua khác nhau nhằm giảm tốc độ xe đua.



Tay đua Charles Leclerc (đội Ferrari) vượt qua tay đua Lando Norris (đội McLaren) tại khúc cua tay áo Grand Hotel ở chặng đua F1 Monaco Grand Prix 2019.

HAIRPIN

A corner has a sharp turn of 180 degree.

CUA TAY ÁO 180°

Khúc cua có góc quay ngược lại 180°.



Hình ảnh đoạn đường gồm nhiều khúc cua chữ S tại đường đua Suzuka – nơi diễn ra Chặng đua F1 Japanese Grand Prix. Đường đua này được xây dựng vào năm 1962 bởi kiến trúc sư người Hà Lan John Hugenholtz.

FAST/SLOW ESSE

A series of figure S corners, fast esse with smaller radius and slow esse with larger radius.

ĐOẠN GỒM NHIỀU KHÚC CUA CHỮ S NHANH/CHẬM

Đoạn đường gồm nhiều khúc cua chữ S. Khúc cua chữ S nhanh có bán kính góc cua nhỏ hơn. Khúc cua chữ S chậm có bán kính góc cua lớn hơn.



Hình ảnh xe của tay đua Lando Norris (đội McLaren) đang kẹt trên bẫy sỏi.

GRAVEL TRAP

A bed of gravel on the outside of corners designed with the aim of bringing cars that fall off the circuit to a halt.

BÃY SỎI

Khu vực rải đá, sỏi phía ngoài đường đua tại các khúc cua được bố trí với mục đích dừng hẳn các xe đua bị văng khỏi đường đua.



Hình ảnh minh họa gờ răng cưa trên đường đua Red Bull Ring, Chặng đua F1 myWorld Austrian Grand Prix 2019.

RUMBLESTRIP

A bumpy, often saw-toothed strip of kerbing usually found on the exit of a corner to warn the driver of the edge of the track.

GỜ RĂNG CƯA

Lề đường gập xóc có dạng răng cưa, thường được đặt ở phần thoát ra của khúc cua nhằm cảnh báo các tay đua về nguy cơ vượt giới hạn đường đua.



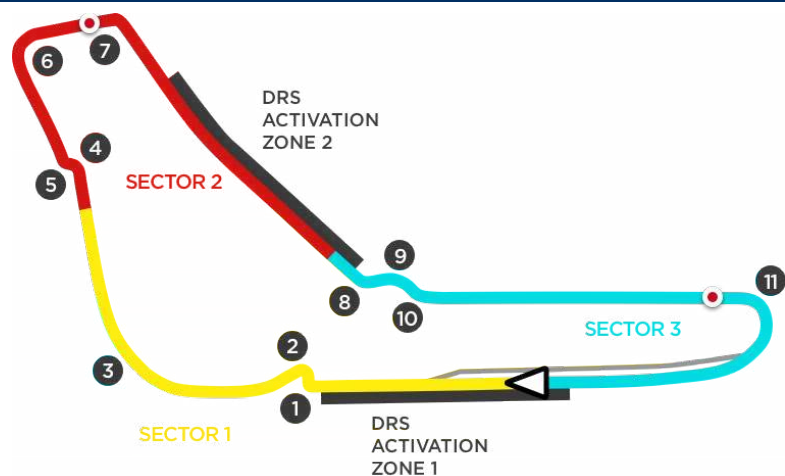
Hình ảnh tay đua Sebastian Vettel (đội Ferrari) đang chạy qua gờ “xúc xích” trên đường đua Paul Ricard tại Chặng đua F1 Pirelli French Grand Prix 2019.

SAUSAGE CURB

A half-round curb placed on the side of the track using to warn the driver of the edge of the track.

GỜ “XÚC XÍCH”

Gờ bán nguyệt gắn bên lề đường đua nhằm cảnh báo cho các tay đua về nguy cơ vượt giới hạn đường đua.



Hình minh họa các hợp phần của vòng đua trên bản đồ đường đua Monza của Chặng đua F1 Italian Grand Prix.

SECTORS

For timing purposes the lap is splitted into three sections, each of which is roughly a third of the lap. These sections are officially known as Sector 1, Sector 2, Sector 3.

CÁC HỢP PHẦN CỦA VÒNG ĐUA

Nhằm mục đích tính giờ, một vòng đua thường được chia ra làm ba hợp phần tương đối đều nhau với các tên gọi Sector 1, Sector 2, Sector 3.



Xe của các tay đua Nick Heidfeld, Michael Schumacher và Felipe Massa tại Khu vực cách ly ở Chặng đua F1 Santander Italian Grand Prix 2011.

PARC FERMÉ

A fenced-off area into which cars are driven after qualifying and the race, where no team members are allowed to touch them except under the strict supervision of race stewards.

KHU VỰC CÁCH LY

Từ gốc tiếng Pháp, chỉ khu vực được rào chắn riêng biệt để đưa xe về sau Cuộc đua phân hạng và Cuộc đua chính thức. Các thành viên đội đua không được vào khu vực này trừ khi có sự giám sát chặt chẽ của các trọng tài Giải đua.



Hình ảnh khu vực tường Pit dành cho đội đua Mercedes tại chặng đua F1 Russian Grand Prix 2016.

PITWALL

Where the team owners, managers and engineers spend the race, usually under an awning to keep sun and rain off their monitors.

TƯỜNG PIT

Khu vực có mái che được lắp đặt các thiết bị theo dõi để các lãnh đạo đội đua, quản lý và nhân viên kỹ thuật giám sát cuộc đua.



Tay đua Lewis Hamilton và Fernando Alonso đang cùng ra khỏi đường Pit tại chặng đua F1 Canadian Grand Prix 2010.

PIT LANE

An area of track separated from the start/finish straight by a wall, where the cars are brought for new tyres and fuel during the race, or for set-up changes in practice, each stopping at their respective pit garages.

ĐƯỜNG PIT

Khu vực thuộc trường đua được ngăn cách với vạch xuất phát/vạch đích bằng một hàng rào để bê tông. Đây là khu vực xe đua ra vào để thay lốp và tiếp nhiên liệu. Sau cuộc đua, các xe quay về garage của mình nằm trên đường Pit này.



Bảng Pit ghi thông số thời gian của tay đua Sebastian Vettel (đội Ferrari) trong ngày chạy thử trước mùa giải năm 2018 tại Barcelona vào tháng 3.

PIT BOARD

A board held out on the pit wall to inform a driver of his race position, the time interval to the car ahead or the one behind, plus the number of laps of the race remaining.

BẢNG PIT

Bảng thông báo cho tay đua khi chạy qua khu vực Pit về thứ hạng hiện tại, khoảng cách về thời gian với xe dẫn trước hoặc xe bám theo sau và số vòng đua còn lại của cuộc đua.



Hình ảnh Trung tâm Y tế tại đường đua Silverstone, Chặng đua F1 Santander British Grand Prix 2014.

TRACK MEDICAL CENTRE (TMC)

Medical centre for drivers, teams and officials. Also VIPs after approval.

TRUNG TÂM Y TẾ TRƯỜNG ĐUA

Trung tâm Y tế được trang bị đầy đủ các thiết bị và có đội ngũ bác sĩ thường trực để khám và can thiệp y tế tại chỗ cho các tay đua, thành viên đội đua, cán bộ nhân viên đường đua và khách ở khu vực Paddock.



Hình ảnh khu vực Paddock có bố trí phòng y tế tại đường đua Catalunya, Chặng đua F1 Emirates Spanish Grand Prix 2018.

PADDOCK MEDICAL POST (PMP)

Small medical facility located in the paddock for the assessment and treatment of drivers and teams. Patients are transferred to the TMC after assessment and stabilisation.

PHÒNG Y TẾ KHU VỰC PADDOCK

Phòng y tế nhỏ ở khu vực Paddock để khám và điều trị cho các tay đua, đội đua. Sau khi được sơ cứu và được xác nhận tình trạng, bệnh nhân sẽ được chuyển đến Trung tâm Y tế trường đua.



Hình ảnh nhóm nhân viên y tế đường Pit đang diễn tập cứu thương tại Chặng đua F1 Singapore Airlines Singapore Grand Prix 2019.

PIT LANE MEDICAL

Team of 3 people located in pit lane for the early management of pit lane incidents.

Y TẾ ĐƯỜNG PIT

Nhóm 3 nhân viên y tế, thực hiện công tác khám và điều trị ban đầu cho người bị chấn thương bởi các sự cố xảy ra trên đường Pit.



Hình ảnh khu vực Paddock (đang được hoàn thiện) của trường đua F1 Hà Nội, nơi tổ chức Chặng đua F1 VinFast Vietnam Grand Prix 2020.

PADDOCK

Typically an area behind the pits; location of team hospitality suites and where the majority of media work, wheeler-dealing.

“PADDOCK”

Khu vực nằm phía sau đường *Pit*, có các khu nhà phục vụ thành viên các đội đua ăn, nghỉ; và phục vụ các kênh truyền hình, cán bộ điều hành cao cấp của FIA, F1 trong thời gian tác nghiệp.

THE DRIVER TAY ĐUA



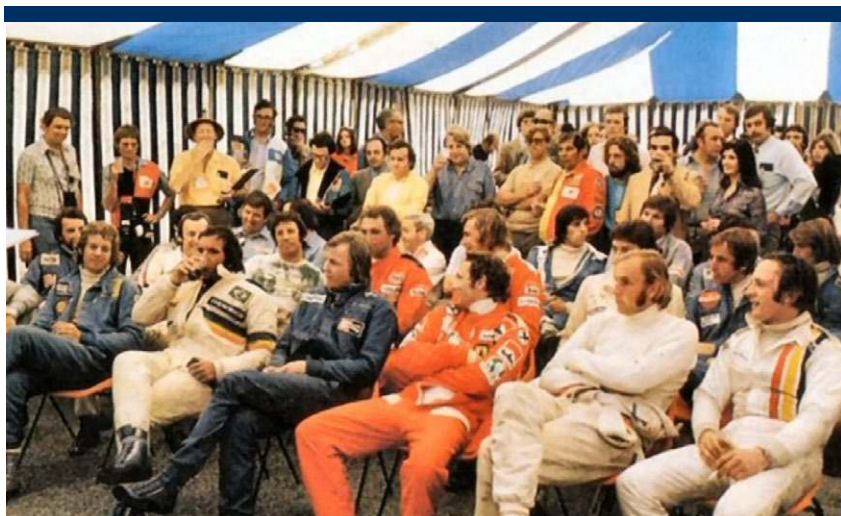
Tay đua Sebastian Vettel và “Siêu bằng lái” mà anh ấy đã được cấp bởi Liên đoàn Ô tô Quốc tế FIA năm 2006.

SUPER LICENCE (F1 LICENCE)

The FIA Super Licence is a drivers qualification allowing the holder to compete in the F1 World Championship.

“SIÊU BẰNG LÁI” (BẰNG LÁI F1)

Các tay đua phải được cấp “Siêu bằng lái” thì mới có thể tham gia thi đấu tại Giải Vô địch Thế giới Đua xe F1.



Hình ảnh cuộc họp trước đua tại Chặng đua F1 German Grand Prix 1976 tại Nurburging.

DRIVERS' BRIEFING

A meeting of all drivers and the FIA Race Director to discuss issues relating to that particular Grand Prix and circuit. Other subjects, such as driving standards and safety, may also be discussed.

HỌP TRƯỚC ĐUA

Cuộc họp trước đua giữa các tay đua với Giám đốc Giải đua FIA để thảo luận về những vấn đề liên quan đến chặng đua, trường đua cũng như các điều kiện tiêu chuẩn về an toàn.

*In loving memory of Niki Lauda (1949 - 2019)
and James Hunt (1947 - 1993)*



Tay đua Kimi Raikkonen (đội Ferrari) đã có thời gian hoàn thành vòng đua nhanh nhất với vận tốc trung bình 263.587 km/h trong 1 phút 19.119 giây tại Chặng đua F1 Heineken Italian Grand Prix 2018, xác lập kỉ lục thời gian hoàn thành vòng đua nhanh nhất trong lịch sử F1, phá vỡ kỷ lục của tay đua Juan Paolo Montoya đã nắm giữ từ năm 2004 với vận tốc trung bình 262.242 km/h trong thời gian 1 phút 19.525 giây.

FASTEST LAP

The shortest time to complete a lap.

THỜI GIAN HOÀN THÀNH VÒNG ĐUA NHANH NHẤT

Thời gian hoàn thành một vòng đua nhanh nhất.



Hình ảnh xe số 44 của tay đua Lewis Hamilton (đội Mercedes), một trong những tay đua giữ được nhịp đua tốt nhất.

PACE

Often refer to average lap time, a good “pace” means consistently faster than the other.

NHỊP ĐUA

“Nhịp đua” là số trung bình thời gian tay đua hoàn thành các vòng đua. Tay đua có nhịp đua tốt khi thời gian hoàn thành vòng đua ngắn hơn các tay đua khác.



Hình ảnh bảng xếp hạng tay đua và điểm số giành được sau 3 chặng đầu tiên của Giải Vô địch Thế giới Đua xe F1 năm 2018.

POINTS

Points are used to determine the outcome of both the Drivers’ and Constructors’ World Championships. The first 10 cars at the end of the race are awarded points in the order: 25-18-15-12-10-8-6-4-2-1. No points are awarded to drivers later than 10th. Top 10 driver who has the fastest lap will be awarded 1 point.

ĐIỂM

Điểm được sử dụng để ghi nhận kết quả của các tay đua và đội đua qua tất cả các chặng đua để xác định danh hiệu Vô địch Thế giới. 10 tay đua về đích đầu tiên nhận được số điểm lần lượt theo thứ tự: 25-18-15-12-10-8-6-4-2-1. Các tay đua về đích từ thứ 11 trở đi thì không có điểm. Tay đua nào trong top 10 mà có thời gian 1 vòng nhanh nhất thì được thêm 1 điểm.



Hình ảnh cuộc họp sau đua giữa tay đua và đội kỹ thuật của đội Mercedes.

DEBRIEF

The meeting between a team's drivers and engineers after an on-track session in which car set-up, performance and strategy are discussed.

HỌP SAU ĐUA

Cuộc họp giữa tay đua với đội kỹ thuật để rút kinh nghiệm về chỉnh xe, hiệu suất và chiến thuật.

ORGANISING THE RACE TỔ CHỨC GIẢI ĐUA



Hình ảnh văn phòng Công ty TNHH Hiệp hội Thể thao Xe động cơ Việt Nam (VMA), VMA là cơ quan tổ chức điều hành Chặng đua F1 VinFast Vietnam Grand Prix 2020.

ORGANISER

The Organiser is responsible for all technical, sporting and safety aspects of the Grand Prix.

CƠ QUAN TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH CHẶNG ĐUA

Cơ quan tổ chức điều hành Chặng đua chịu trách nhiệm cho tất cả các hoạt động trên đường đua bao gồm các vấn đề điều lệ, kỹ thuật, thể thao và an toàn.



Công ty TNHH Việt Nam Grand Prix (VGPC) là cơ quan tổ chức và quảng bá sự kiện chịu trách nhiệm cho tất cả các hoạt động thương mại của Chặng đua F1 VinFast Vietnam Grand Prix 2020.

PROMOTER

The Promoter is responsible for all non-sporting and commercial aspects of the Grand Prix (tickets sales, sponsorship, broadcasting rights...).

CƠ QUAN TỔ CHỨC & QUẢNG BÁ SỰ KIỆN

Cơ quan tổ chức sự kiện chịu trách nhiệm cho tất cả các hoạt động thương mại của Chặng đua bao gồm bán vé, kinh doanh, kêu gọi tài trợ, bản quyền hình ảnh và truyền hình....



Hình ảnh cờ có Logo của Liên đoàn Ô tô Quốc tế FIA.

FIA

Motor sport throughout the world is directed and controlled by the Federation International de l'Automobile (FIA). FIA aims to ensure that motor sport is conducted in accordance with the highest standards of safety and fairness.

LIÊN ĐOÀN Ô TÔ QUỐC TẾ

Liên đoàn Ô tô Quốc tế (FIA) là cơ quan điều hành cao nhất của các hoạt động liên quan đến môn đua xe thể thao trên thế giới. FIA chịu trách nhiệm về việc đảm bảo các quy tắc an toàn và tính công bằng được tuân thủ nghiêm ngặt trong môn thể thao này.



Hình ảnh Logo của Tập đoàn Formula One®.

FORMULA ONE GROUP

The Formula One® Group is a group of companies responsible for the promotion of the FIA FORMULA ONE WORLD CHAMPIONSHIP, and the exercising of the sport's commercial rights.

TẬP ĐOÀN FORMULA ONE

Tập đoàn Formula One® chịu trách nhiệm về việc quảng bá Giải đua và nắm giữ các bản quyền thương mại của Giải Vô địch Thế giới Đua xe F1.



Hình ảnh các cán bộ quản lý cấp cao đang làm việc trong Trung tâm Điều hành đua.

RACE CONTROL

Race Control is the place into which all the track information is fed, and from where the decisions and instructions are issued. Race Control staffs include Communicators, Chief Medical Officer, CCTV Operator, Emergency Coordinator and FIA officials.

TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH ĐUA

Trung tâm Điều hành đua là nơi Giám đốc Giải đua, Quản lý Trường đua và các Cán bộ Quản lý Cấp cao (Giám đốc Y tế, Điều phối CCTV, Cán bộ của FIA...) giám sát tất cả các thông tin về đường đua, đưa ra các hướng dẫn và quyết định trong giải đua.



Michael Masi, Giám đốc Giải Vô địch Thế giới Đua xe F1 (Mùa giải 2019 & 2020).

RACE DIRECTOR

The Race Director is appointed by the FIA, works in permanent consultation with the Clerk of the Course and has an over-riding authority in a number of matters concerning the conduct of F1 events, use of Safety Car, scheduling of activities, etc.

GIÁM ĐỐC GIẢI ĐUA

Giám đốc Giải đua được chỉ định bởi FIA, phối hợp chặt chẽ với Quản lý Trường đua và giữ quyền trong việc sử dụng xe An toàn, lịch trình các hoạt động, v.v...

*In loving memory of Charlie Whiting (1952 - 2019)
FIA F1 Race Director (1997 - 2019)*



Tim Schenken, Quản lý Trường đua của Chặng đua F1 Australian Grand Prix và Chặng đua F1 VinFast Vietnam Grand Prix 2020.

CLERK OF THE COURSE

The Clerk of the Course is responsible for safety conducting the meeting in accordance with the official program.

QUẢN LÝ TRƯỜNG ĐUA

Quản lý Trường đua chịu trách nhiệm giám sát toàn bộ các hoạt động trên đường đua, đảm bảo các yếu tố an toàn, tuân thủ lịch trình và các quy định được áp dụng cho chặng đua.



Michael Smith, Thư ký Sự kiện của Chặng đua F1 Australian Grand Prix và Chặng đua F1 VinFast Vietnam Grand Prix 2020 cùng Ms. Đỗ Hương Lan (Phó Thư ký Sự kiện VGP 2020) và Ms. Lê Thị Thanh Tú (Trợ lý Thư ký Sự kiện VGP 2020).

SECRETARY OF THE EVENT

Secretary of the Event manages the administrative organisation of the race meeting, including development and coordination of event categories, regulations, marshals, logistics and venue management.

THƯ KÝ SỰ KIỆN

Thư ký Sự kiện quản lý các công việc tổ chức cho Chặng đua như điều phối, tổ chức các cuộc họp, sự kiện, quản lý nhân sự, cán bộ điều hành đua, quản lý hậu cần.



STEWARDS

One of three high-ranking officials at each Grand Prix appointed to make decisions and responsible for the adjudication of penalties and protests arising during a meeting.

TRỌNG TÀI

Một trong ba cán bộ cấp cao ở mỗi chặng đua được chỉ định để giám sát toàn bộ cuộc đua, đưa ra quyết định về các hình phạt và giải quyết khiếu nại trong thời gian diễn ra chặng đua.



Dr. Brent May, Giám đốc Y tế của Chặng đua F1 Australian Grand Prix và Chặng đua F1 VinFast Vietnam Grand Prix 2020.

CHIEF MEDICAL OFFICER (CMO)

The Chief Medical Officer (CMO) must be approved by their ASN. The Chief Medical Officer (CMO) has authority over all medical services at the circuit, including the extrication teams as regards their recruitment, regular training and deployment, as well as over all rescue operations including evacuations.

GIÁM ĐỐC Y TẾ

Việc bổ nhiệm Giám đốc Y tế được phê duyệt bởi Cơ quan Điều hành Thể thao Quốc gia (ASN) nơi tổ chức chặng đua. Giám đốc Y tế có thẩm quyền đối với tất cả các dịch vụ y tế trong đường đua, bao gồm các đội hồi sức cấp cứu, cứu hộ cứu nạn, liên quan đến tuyển dụng, đào tạo và triển khai dịch vụ y tế, cũng như đối với tất cả các hoạt động cứu hộ bao gồm cả sơ tán khẩn cấp.



Hình ảnh các cán bộ cân xe đang tiến hành quá trình giám định, kiểm tra xe của đội đua Red Bull.

SCRUTINEER

Scrutineer is responsible for checking all cars and ensuring competing vehicles comply with the necessary technical regulations and safety standards.

CÁN BỘ CÂN XE

Cán bộ Cân xe chịu trách nhiệm giám định, kiểm tra và đảm bảo xe đua tuân thủ đúng các quy định kỹ thuật và các tiêu chuẩn an toàn.



Xe của Giám đốc Y tế tại Chặng đua F1 Santander British Grand Prix 2012.

CMO VEHICLE

The CMO vehicle will be used in the case of Critical Incidents, severe injuries or at the discretion of the CMO, or the deputy. Its role is to transport a senior medical team member to the scene to assist in coordination of the medical management of these cases.

XE CỦA GIÁM ĐỐC Y TẾ

Xe Giám đốc Y tế sẽ được sử dụng trong trường hợp tai nạn nghiêm trọng gây thương tích nặng hoặc theo quyết định của Giám đốc Y tế, để đưa một cán bộ y tế cao cấp đến hiện trường hỗ trợ phối hợp kiểm soát y tế.



Xe An toàn tại Chặng đua F1 Rolex British Grand Prix 2019.

SAFETY CAR

The course vehicle that is called from the pits to run in front of the leading car in the race in the event of a problem that requires the cars to be slowed.

XE AN TOÀN

Xe An toàn sẽ xuất hiện khi trên đường đua xảy ra sự cố, tai nạn hoặc tình huống khẩn cấp. Khi Xe An toàn xuất hiện, các xe đua phải giữ nguyên thứ tự, giảm tốc độ và không được phép vượt.



Biển báo xe An toàn ảo tại Chặng đua F1 Eyetime Austrian Grand Prix 2018.

VIRTUAL SAFETY CAR

When activated it ‘freezes’ the field in the event of double waved yellow flags but when the circumstances don’t require the Safety Car. Instead, the field laps at a slower speed, with cars maintaining a constant gap to those in front and behind.

XE AN TOÀN ẢO

Được kích hoạt trong trường hợp có 2 cờ vàng được vẫy nhưng tình huống chưa cần triển khai xe An toàn thật. Khi biển báo xe An toàn ảo được bật sáng, các xe đua phải giảm tốc độ và phải duy trì khoảng cách với xe chạy trước và xe chạy sau.



Xe can thiệp y tế tại Chặng đua F1 VTB Russian Grand Prix 2019.

MIV

Medical Intervention Vehicle. Team of 3 people. Callsign Omega.

XE CAN THIỆP Y TẾ

Xe can thiệp y tế trên đường đua - gọi tắt là Omega. Trên xe có 3 nhân viên y tế.



Hình ảnh xe cứu hộ cứu nạn giải cứu xe của tay đua George Russell (đội Williams) tại Chặng đua F1 SOCAR Azerbaijan Grand Prix 2019.

EXTRICATION VEHICLE

Team of 6 people for extrication. Callsign Echo.

XE CỨU HỘ CỨU NẠN

Xe vận chuyển nhóm cứu hộ đến vị trí xảy ra tai nạn - gọi tắt là Echo - nhằm giải cứu tay đua và/hoặc người bị nạn ra khỏi khu vực tai nạn. Trên xe có 6 nhân viên.



Hình ảnh xe cứu thương tại Chặng đua F1 Japanese Grand Prix 2015.

AMBULANCE

Track Ambulance Vehicle. Team of 3 people. Callsign Ambulance or Alpha.

XE CỨU THƯƠNG

Xe cứu thương - gọi tắt là Ambulance hoặc Alpha - để vận chuyển người bị thương đến trạm y tế hoặc bệnh viện theo chỉ định của CMO. Trên xe có 3 nhân viên bao gồm bác sĩ.



Hình ảnh xe y tế đường đua của FIA tại đường đua Autódromo José Carlos Pace, Chặng đua F1 Petrobras Brazilian Grand Prix 2009.

MEDICAL CAR (FIA MEDICAL CAR)

Must have 4 doors and be able to accommodate 4 people. A safety rollcage and complete seat harnesses are required. In the FIA medical car, in addition to the doctor designated by the FIA, there must be a doctor who is authorised to practise in the country organising the race and is proficient in resuscitation and experienced in the pre-hospital treatment of accident victims.

XE Y TẾ ĐƯỜNG ĐUA CỦA FIA

Xe phải có 4 cửa và có thể chở 4 người; có bộ khung xe an toàn và ghế có đai an toàn theo tiêu chuẩn của FIA. Trong xe y tế của FIA, ngoài bác sĩ do FIA chỉ định, cần phải có bác sĩ được phép hành nghề tại quốc gia tổ chức chặng đua, thành thạo kỹ thuật hồi sức và có kinh nghiệm trong cấp cứu tại chỗ cho nạn nhân.



Hình ảnh chốt điều hành tại Chặng đua F1 Japanese Grand Prix 2014.

MARSHAL POST

Marshal posts are used to protect marshals and track workers at dedicated locations which are defined by the FIA and the circuit designer.

CHỐT ĐIỀU HÀNH

Chốt điều hành là nơi các cán bộ điều hành làm việc và nghỉ ngơi trên khu vực đường đua. Vị trí của các chốt điều hành này được xác định bởi FIA và nhà thiết kế đường đua.



Hình ảnh các cán bộ điều hành đua tại Chặng đua F1 Japanese Grand Prix 2019.

MARSHAL

The officials positioned all the way around the circuit charged with overseeing the safe running of an on-track session. Duties include helping to remove stricken cars from dangerous positions and waving warning flags.

CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH ĐUA

Các cán bộ điều hành đua được phân công ở từng khu vực khác nhau trên đường đua, thực hiện các công việc cứu hộ, cứu hỏa, cứu thương, cờ hiệu,...



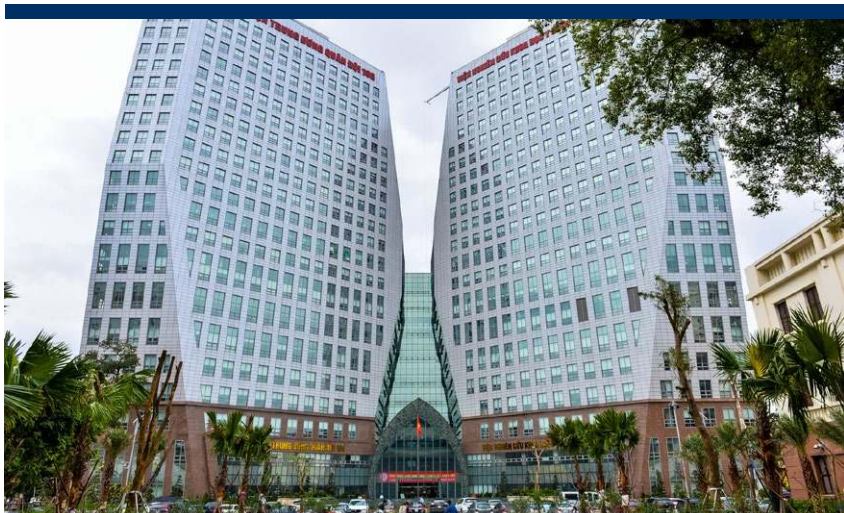
Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec (458 Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội) – Bệnh viện tiếp nhận chính của Chặng đua F1 VinFast Vietnam Grand Prix 2020.

PRIMARY HOSPITAL

The hospital is selected and primary to receive patient from the circuit.

BỆNH VIỆN TIẾP NHẬN CHÍNH

Bệnh viện được lựa chọn là bệnh viện chính để tiếp nhận bệnh nhân được đưa từ trường đua tới.



Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 (Số 1 Trần Hưng Đạo, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội) – Bệnh viện tiếp nhận số 2 của Chặng đua F1 VinFast Vietnam Grand Prix 2020.

SECONDARY HOSPITAL

The hospital is selected to receive patient from the circuit, if indicated in some special situation.

BỆNH VIỆN TIẾP NHẬN SỐ 2

Bệnh viện tiếp nhận bệnh nhân từ trường đua trong một số tình huống đặc biệt.



Tại Chặng đua F1 Heineken Italian Grand Prix 2019, tay đua Charles Leclerc (đội Ferrari) giành chức vô địch và đứng trên bục với vị trí cao nhất. Bên trái, vị trí thứ hai là tay đua Valtteri Bottas (đội Mercedes); bên phải, vị trí thứ ba là tay đua Lewis Hamilton (đội Mercedes).

PODIUM

The three-stepped venue for 1st, 2nd and 3rd drivers came first in the race.

BỤC TRAO GIẢI

Bục trao giải dành cho ba tay đua xếp hạng nhất, nhì, ba của chặng đua.



Trường đua F1 Hà Nội

Ảnh: Mithalo Media

CHIEF EDITOR

Dr. Nguyen Thi Quy Phuong

CHỦ BIÊN

Tiến sĩ Nguyễn Thị Quý Phương

CONTENT

Ngo Viet Hung, Do Huong Lan

NỘI DUNG

Ngô Việt Hưng, Đỗ Hương Lan

TRANSLATOR

Do Huong Lan

BIÊN DỊCH

Đỗ Hương Lan

EDITING TEAM

Do Hai Ha, Tran Hai Trieu, Dang Huy Hung, Michael Smith, Ly Thu Thuy, Nghiem Anh Quan, Pham Quynh Tho, Chu Thanh Thanh An, Le Thi Thanh Tu, Duong Ha Chau, Hoang Hong Phuc.

TỔ BIÊN TẬP

Đỗ Hải Hà, Trần Hải Triều, Đặng Huy Hùng, Michael Smith, Lý Thu Thủy, Nghiêm Anh Quân, Phạm Quỳnh Thơ, Chu Thanh Thanh An, Lê Thị Thanh Tú, Dương Hà Châu, Hoàng Hồng Phúc.

GRAPHIC DESIGN

Mai Thanh Trung

TRÌNH BÀY

Mai Thành Trung



MEMBER OF



*This dictionary is for internal circulation only and using images, definitions from Formula One®
Ấn phẩm lưu hành nội bộ và có sử dụng các hình ảnh, định nghĩa từ Formula One®
First edition July 2020 (Printed) | Ấn phẩm được in lần đầu tháng 7 năm 2020*



vietnammotorsports.vn